

TRITÂN

TẠP CHÍ VĂN HÓA RA HÀNG TUẦN

Mục lục

- | | |
|--|---------------------|
| * Một vấn-đề rất đáng chú ý... | Hoa-Bằng. |
| * Đại Nam dật-sự (XIV) | Ứng-Học |
| * Tổng luận : Khoa-học là gì ? (I) | Nguyễn-trọng-Thuyết |
| * Nhữnag ông nghề triều Lê (LXVII) | Nguyễn-văn-Tổ |
| * Lược khảo về gia thế
« Quan Thám kéo vó » : Nguyễn đăng Cảo | Long Điền |
| * Vũ như Tô (Kịch lịch sử, I) | Nguyễn-huý-Tướng |
| * Thiên-Y-A-Na (I) | Dương-Ky |
| * Truyện chúa Trịnh | Ứng-Học |
| * Bí-quyết của sự thành công | Ái-Lang |
| * Cháy cung Chương-võ (tiểu thuyết, IX) | Chu-Thiên |



Tòa Báo : 95-97, Chancéaulme, Hà Nội

Mỗi số 0\$80 — Một năm 12\$00 — 6 tháng 6\$50 — 3 tháng 3\$50

Một vấn-đề rất đáng chú-ý

TRONG VĂN-HỌC VÀ SỬ-HỌC

- I. — Diệu-Trang-vương phải chăng là một ông chúa Trịnh ?
 II. — Chúa Ba Diệu-Thiện phải chăng là một cô gái Việt-nam ?
 III. — Hương-sơn trong Quán-thế-âm chân-kinh phải chăng là núi Hương-tích ở hạt Hà-dông ?

HOA-BÀNG

Hồi năm 1936, một bạn văn có nói với tôi : Có lẽ bà chúa Ba Diệu-Thiện, con vua Diệu-Trang-vương, là gái thứ ba một ông chúa Trịnh đời Lê Trung-hưng. Vì người làm truyện sợ động-chạm thời-thế, nên cho các nhân-vật trong truyện đều mang tên khác cả.

Từ đó, tôi vẫn đề ý đến cuốn truyện *Bà Chúa Ba*, bấy lâu vẫn lưu hành khắp nơi dân-dã, mở đầu bằng mấy câu này :

« *Chân-như đạo Phật rất mầu,
 Tâm trung chữ « hiếu », niệm
 đầu chữ « nhân ».*

*Hiếu là độ được song thân,
 Nhân là vớt khỏi trầm luân
 mọi loài.*

*Thần thông nghìn mắt, nghìn
 tay,*

*Cùng trong một diêm linh-đài
 hóa ra.*

*Này trong bể nước Nam ta,
 Phả môn có đức Phật-bà Quan-
 âm.*

*Niệm ngài thời niệm tại tâm,
 Ngắm xem sự-tích ca-ngâm cho
 tường.*

*Đời xưa vua Diệu-Trang vương,
 Hưng-lâm nước ấy bốn phương
 một nhà.*

Chánh-cung là đức Bà-Nha,

(Trích bản cổ, của khuyết-danh)

Trước hết hãy nói về lai-lịch truyện *Bà Chúa Ba*. Nguyên nó là

cuốn *Hương-sơn Quán-thế-âm chân kinh*, rồi trong đám mặc-khách ta, có người đứng dịch ra tiếng việt, rồi có chùa khắc và in ra chữ nôm. Về sau, người ta phiên sang chữ quốc-ngữ, nên nó mới mau-chóng truyền rộng.

Ngoài bản dịch có những câu dẫn trên đã được thông hành ra, còn có bản dịch khác, cũng bằng chữ nôm nữa. Nhưng, theo cụ Giá-sơn Kiều-Oánh-Mậu (1), thì những bản dịch ấy đại-suốt là dựa ở *Sửa thần tục ký* mà diễn ra, lời văn có vẻ khinh suất và sơ lược. Ngay đến những chỗ cốt-tủy có trong *Chân kinh* như « tỉnh tâm, tâm ấn, v. v. » đều bị dịch giả vứt bỏ đi cả !

Đến cuối mùa thu (tức tháng 9), năm kỷ dậu (1909) đời Duy-tân, cụ Giá-sơn Kiều Oánh-Mậu đến ấp Sơn-kiều, gặp cụ Trần Xuân-Thiều đương làm đề-bộc ở Bắc-giang. Cụ Trần có đưa cho cụ Kiều một cuốn *Hương-sơn Chân-kinh* đề nhờ dịch lại. Cụ Kiều cảm tấm lòng thành của cụ Trần, kính cần dịch ra quốc-văn : Bắt đầu thảo từ ngày 23 tháng 9 năm ấy (kỷ dậu, 1909), đến 16 tháng 10 thì xong. Qua ngày 18, làm xong bài tựa, sang ngày 19, viết trọn. Rồi chính tay cụ đề

giòng chữ « *Hương-sơn Quán-thế-âm Chân kinh tân dịch* » 香山觀世音真經新譯 làm nhan sách, cho khắc gỗ và in sách ấy bằng chữ nôm, cộng 48 tờ, 700 câu.

Dịch-giả có nói : « ... Nhất-nhất theo *Chân kinh* mà phiên dịch ra. Toàn diện *Hương-sơn* dấu chưa mô-tả được hết, nhưng về phần chân tượng của *Chân kinh*, tôi chắc không đến nỗi bị Anh-tướng là Khắc-lâm-uy-nhĩ (Cromwell) rầy trách. Duy hai việc « *Thiện-Tài, Long-nữ* » và « *Bạch tượng, Thanh sư* » tôi vẫn theo thần-ký mà kê sơ qua, vì lấy cớ rằng những tôn tượng Quán-thế-âm, Văn-Thù và Phổ-Hiền mà trong chùa đã tô đều là những thứ người ta vẫn quen trông thấy thì dẫn điển-lịch mà tro-bảo, tưởng cũng chẳng sao. Đó chính để tỏ ra rằng bề từ tế-độ hết thấy là như thế đấy, chứ không phải tôi thích nói những sự quái-dân dẫu... »

Bây giờ xin nói đến cốt truyện *Hương-sơn Quán-thế-âm Chân kinh* mà ta quen gọi là truyện *Bà Chúa Ba* :

Vua Diệu-Trang-vương 少莊王, người nước Hưng lâm 興林, cùng

Chánh-cung là Bá-Nha 伯牙, chưa có con trai; mới được hai công-chúa là Diệu-Âm 妙音 và Diệu Nguyên 妙元. Sau, cậu tự ở đền, trên Tây-nhạc 西岳. Chánh-cung có mạng.
« Thoi đưa mười tháng chẳng bao,

Tới kỳ, lại thấy yên đào nở hoa,
Nơi hân hoan công-chúa phởn ha,
Đặt tên Diệu Thiên 妙善; mà
cha phán truyền »

Trích bản dịch của cu Kiều Oánh-Mậu
gồm những câu văn vần trích dưới
đây đều đều có một dịch-giả này.

Trang-vương và Vương-Hân Bá-Nha cả Diệu-Âm cho Triệu-Khai 趙魁 và Diệu-Nguyên cho Hà-Phượng 何鳳. Rồi tính đến cuộc nhân-duyên cho chúa Ba, vì thấy giờ « năng » đã 16 tuổi.

Nhưng chúa Ba Diệu Thiên cứ khăng-khăng không chịu lấy chồng; vin cớ rằng:

« Công cha, ơn mẹ chưa đền
Mà trong thế-tục nhân-tính
nghieu khê.

Nào ai phú quý vinh huê (hoa),
Trăm năm cũng một giấc mê
bôi văng !

Cho rằng con đống, châu đát,
Cõi âm chưa dễ hỏi-han nhau
rừng :

Cho rằng lúa chưa, tiền trồng,
Tội-linh chưa dễ mua, lộng
Diêm-vương !

Trên cao, thiện ác có gương,
Vương, hầu, khanh, tướng chưa
thường lọt qua ;

Thiên-đường, địa-ngục bao xa,
Thiện là công quả, ác là tội
nhân.

Thần hôn, hai chị đỡ-dần,
Một mình con đã đành phần
xuất gia. »

Thấy con tình nguyện xuất gia đầu Phật, Trang vương dùng dùng

nội giận, đem đầy chúa Ba ra vườn hoa, chỉ cho manly to để che thân, lại bắt gánh nước tưới hoa, làm việc cực-nhọc.

Thương con gái phải vất vả, Vương Hân sai hai chúa chỉ ra « thuyết » Diệu Thiên để mong nâng hồi tỉnh mà nghe lời vua cha.

Nhưng chúa Ba lại lấy đạo pháp giảng-giải cho hai chị, rồi tỏ ý kiên quyết tu trì với giọng sắt đá

« Tu-hành tôi quyết chí tôi,
Dầu cha bắt tội, đã Giới ret
công. »

Cuộc thử-thách thịnh-linh vậy đến : Phật Nhiên-Đăng hóa thân làm vị Thái-tử ở nước Hương chi 香至 đến cảm-dỗ chúa Ba. Song thấy nàng « chí bền, lòng thực, nên Phật Nhiên-Đăng lại chỉ-điểm thêm cho lối vào đường tu.

Sau, vua cha nghe lời Thừa-trưởng, cho chúa Ba ra ở chùa Bạch-trước 白雀, theo đời tư-hành với sư ni là Hoàng-thị Đắc-Chân 黃氏得真. Chẳng dè sư ở chùa là phường lợi đường, nên chúa Ba lại phải điếm hóa cho họ lĩnh giấc mê-mảng.

Khi ở chùa, chúa Ba vui sống trong cảnh khổ-hạnh : quét chùa, gánh nước, hái rau, kiếm củi, thổi cơm, gõ mõ, thêu chuông, nói tóm, làm đủ mọi việc từ nơi tam quan đến phốn thập điện.

Vì lòng thành cảm-cách đến thiên-dinh, chúa Ba được bách thần giúp sức trong khi hai vai phải gánh biết bao công việc nặng-nề : Rong pùn nước, Hùm bẻ củi, Chim nhặt rau, Thỏ thần quét tuyết, Lục-dinh thần-trưởng thêu hương, khua chuông kinh, giồng nỏ cá; lại làm giúp cả những việc như đóng cửa, tiến quả, dâng trà, v. v.

Trước những phép lạ (miracles) ấy, Trang-vương nổi giận lời-dinh vì cho rằng trong giang sơn mình sao lại diễn ra những trò yêu-quái như vậy.

Vua cha lại nghe biết câu đồng-dao truyền âm lên rằng chúa Ba có tình với Hoàng sư-trưởng ở đền Tam-thanh trong chùa Bạch-trước,

Trang-vương vô cùng tức-tối, liền sai Vương hầu tướng, đem hơn 500 quân đến vây chùa Bạch-trước, đốt lửa bốn bề, thiêu sống cả 500 tăng ni ở trong chùa ấy.

Tuy chúa Ba thoát chết chuyên đó, phụng lại bị vua cha sai bắt về, xử bằng « tam ban triều diên » (2). Khi sắp hành-hình thì chúa được thiện-tướng là con Cọp công vào rừng thông. Bấy giờ chúa phách lạc, hồn siêu, đi vào cõi âm, được chứng kiến những cảnh trí ở Linh-sơn 靈山 và những hình phạt ở mười điện của Diêm-vương nơi địa-phủ

Về sau, vì chịu cái quả báo của « u bạo ngược, Trang-vương mắc bệnh phong, đến nỗi hỏng cả mắt và cụt cả tay, không thuốc nào chữa khỏi

Không bỏ lỡ dịp tiện, chúa Ba hóa phép, giả làm hòa-thượng tiên cô, đem chính mắt và tay của mình mà tuyện làm thuốc, chữa lành cho vua cha.

(Xem tiếp trang 23)

(1) Người làng Đông-sông, huyện Tùng thiên, tỉnh Sơn tây, cụ Giá-sơn đã phó-bằng khoa canh-thần, (1880) đời Tự đức (1848-1883), trước cơ ngồi đọc học ở Bắc-giang, sau làm báo

2) Một tu phạm, hai là thuốc độc, ba là tám lạng (toàn là những đồ đồ tu sát)

ĐẠI-NAM DẬT-SƯ

Số 14

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-QU

X. — Nên có ngày kỷ-niệm vua Tiên - Lý

Nước ta có ba bậc « anh-hùng cứu nước » đầu tiên, là đức Đồng-thiên-vương, hai bà Trưng và vua Tiên-Lý Nam-đế. Đức Đồng-thiên-vương thuộc vào thời-kỷ lộ-sử mà chuyển lại thần-kỷ, cho nên bộ *Khâm-định Việt-sử* không chép đến. Còn hai bà Trưng, thì ai là người nước Nam, tất phải biết chuyện. Đến như vua Tiên - Lý, Nam-đế (Lý-Bí, hoặc Lý-Bôn, 544-548), thì sử nước ta chép riêng ra một « kỷ », tức một dòng vua, nhưng lại không có ngày quốc-tế! Đồng-thiên-vương thì có hội Gióng (tên nôm làng Phù-đồng, thuộc tỉnh Bắc-ninh, sinh-quán của đức Đồng-thiên-vương); ta có câu ca-dao rằng: « Mồng tám tháng tư, không xem hội Gióng cũng hư mất đời! » Trưng-vương có hội « đền hai Bà » vào mồng năm tháng hai, là ngày kỷ-niệm chung của cả nước. Duy có vua Tiên-Lý thì chỉ có mấy làng ở cửa sông Đáy thờ làm thành-hoàng, còn chưa có ngày hội lớn để cho quốc-dân nhớ lại cái công-ơn của một vị anh-quân đã đưa đường dẫn lối cho dân ta thoát vòng lao-lung.

Sử-thần Ngô-thị-Sĩ bàn rằng: « Kể từ khi Triệu Việt-vương giữ Dạ-trạch, chống nhau với quân Tàu, đến khi vào thành Long-biên giữ nước, ngang với cuối đời nhà Lương (552-556) bên Tàu chỉ có hai người sang là n. thư-sử châu

Giao là Hoàng-pháp-Câu và Lý-cảnh Thỉnh. Suốt đời nhà Trần bên Tàu, thư-sử châu Quảng hễ khuyết thì bổ người khác sang thay... Còn châu Giao thì chỉ thấy chép Nguyễn-Trắc làm chiêu-uy-sử, chứ không thấy chép ai làm thư-sử: thế là trong đời Triệu-Việt đã tự chuyên-chế được một cõi hơn 20 năm, cũng có thể gọi là anh-hùng... Việc nước ta, từ đời Hán về sau bị nội-thuộc, dù là một chức thái-thủ ở quận, hoặc một chức tù-trưởng xứ man, mà nổi lên, rồi lại bị diệt ngay, cũng thấy sử Tàu chép cả. Đến việc Lý Phật-ử và Triệu Việt-vương cầm quân giữ nước, kể đã nhiều năm (từ năm 541 đến năm 602), dấu-lich không đến nổi nhỏ, thế mà hai quyển sử đời Lương, đời Trần đều không chép đến: thực là một điều khuyết-lược trong sử Tàu » (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 7 a-8 a).

Người Tây chép sử nước Nam nói rằng: Sử nước Nam mãi đến đời Trần mới bắt đầu làm, thì những đời trước, tất phải theo sử Tàu mà chép ra. Đời Tiên-Lý sử Tàu đã không có, thì sử-thần nước Nam lấy đâu mà chép? Vậy thì thế nào cũng có chỗ bịa-đặt, mà có một điều khiến cho nhiều người tin là bịa-đặt, là chuyện Nhã-Lang đi gửi rêu và đôi móng rồng, y như truyện Trọng-Thủy với Mị-châu (Henri Maspero, *Études d'histoire d'Annam*, I, *La dynastie des Li, antérieurs*, 553-601).

Vẫn biết sử Tàu không chép rõ « đời Tiên-Lý », nhưng riêng vua Tiên-Lý sử Tàu có chép, như quyển *Tư-trị-thông-giám* (sách của Trương Bắc-cổ, số 2076, quyển 158, tờ 11 b) viết rằng: « Ở Giao-chỉ có Lý-Bôn, đời đời là nhà hào-hữu... Nhân thư-sử là Tiêu-Tư khắc-bao, mất lòng nhân, Lý-Bôn khởi binh Tiên-Tư phải đem của lo-lát để chạy về châu Quảng. » Lại như *Lương-thư* (quyển 3, tờ 9 a): chép: « Vua nước Lâm-ấp phá Đức-châu, đánh Lý-Bôn. Bôn sai tướng võ là Phạm-Ta đánh vua Lâm-ấp ở Cửu-đức: vua Lâm-ấp thua chạy ».

Cứ như thế, là sử Tàu không công-nhận có « đời Tiên - Lý », nhưng có chép chuyện vua Tiên-Lý. Ta vẫn quen gọi là « Tiên-Lý Nam-đế », vì *Đại-Việt sử-ký* (quyển 5, tờ 1 a) chép « Tiên-Lý kỷ: Tiên Nam-đế », và *Đại-Việt sử-ký toàn-thư* (quyển 4, tờ 14 b) chép « Tiên-Lý kỷ: Tiên-Lý Nam-đế »; còn *Khâm-định Việt-sử* (quyển 4, tờ 2 b) thì chép (Lý Nam-Việt đế », vì trong lịch-sử vua Lý-Bôn có đoạn chép « tháng giêng năm Đại-dồng thứ 10 (544), Lý-Bôn xưng Nam-Việt đế » (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 4, tờ 2 b).

Lý-Bôn là người huyện Thái-bình, phủ Long-hưng. Tiên-tổ là người Tàu, cuối đời Tây-Hán (khoảng năm 8 đến năm 24 sau Thiên-Chúa) khổ vì chiến-tranh, lánh nạn sang Nam, bấy đời đến Lý-Bôn, thành ra người Nam.

Lý-Bôn là con nhà hào-hữu, có tài văn võ (*Toán-thư*, quyển 4, tờ 15 a, chép là thiên-tư kỳ-tài), làm quan với nhà Lương bất đắc chí về Thái-bình khởi quân. Lúc

bấy giờ thứ-sử châu Giao là Tiêu-Tư, tước Vũ-lâm-hầu, vì dữ-ác, mất lòng dân: Lý-Bôn mưu-khởi binh để đánh đuổi. Có Tinh-Thiều là người giỏi về từ-tảo, đến kinh dự tuyên để xin bổ chức quan: Lại-bộ thương-thư nhà Lương là Thái-Tôn cho họ Tinh không phải là vọng-tộc (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 15 a, và *Khâm-định*, quyển 4, tờ 1 b, chép họ Tinh không có tiền-hiền), bổ làm Quảng-duong môn lang: Tinh-Thiều lấy làm xấu-hổ, về quê theo Lý-Bôn khởi nghĩa.

Lý-Bôn lúc bấy giờ coi quân Cửu-dức, nhân thế liên-kết được vài châu, hào kiệt đều hưởng ứng. Có tù-tướng ở huyện Chu-diên là Triệu-Túc, phục tặc - dức Lý-Bôn, đem quân theo trước nhất. Tiêu-Tư biết tin, đem của dút, rồi chạy về Quảng-châu (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 1 b, chưa là có chỗ chép Việt-châu). Lý Bôn ra giữ châu-thành Long-biên.

Đến tháng chạp năm nhâm-tuất (542), vua nhà Lương sai Lư-tử-Hùng là thứ-sử châu Tân và Tôn-Quỳnh là thứ-sử châu Cao, đem quân sang đánh. Lúc bấy giờ khí độc mùa xuân (xuân-chướng) mới dậy, Lư-tử-Hùng xin đợi đến mùa thu hăng đánh (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 15 b, chép: Tôn-Quỳnh cho là khí độc mùa xuân mới dậy, xin đợi đến mùa thu). Thứ-sử châu Quảng là Tân-du-hầu Tiêu-Ánh không nghe (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 15 b, chép là Tân-du-hầu Tiêu-Hoán). Vũ-lâm-hầu là Tiêu-Tư lại thúc-dục: bọn Tử-Hùng bất đắc dĩ phải đi tới hợp-phố, thì quân mười phần, đã chết đến sáu, bảy, tự-nhiên vỡ mà kéo

về. Tiêu-Tư vu-tấu với vua nhà Lương rằng: « Tử-Hùng và Tôn-Quỳnh giao-thông với người ngoài cõi dùng-dăng không tiến quân ». Hai người đều bị vua nhà Lương bắt tội chết ở Quảng-châu (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 1 a-b).

Năm quí-hợi (543) là năm thứ ba kể từ khi vua Lý Bôn giữ thành Long-biên. Tháng tư năm ấy vua nước Lâm-áp là Liệt-da-la-bạt-ma (Rudravarman I) vào ăn cướp quận Nhật-nam (bấy giờ nhà Lương gọi là Đức-châu, xem *Lương-thư*, quyển 3, tờ 9 a). Vua Lý-Bôn sai tướng võ là Phạm-Tu đánh phá được ở Cửu-dức: vua Lâm-áp thua chạy (*Khâm-định Việt sử*, quyển 4, tờ 2 a, và *Đại-Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 2 a).

Năm giáp-tí (544) là năm thứ nhất hiệu Thiên-dức của vua Lý-Bôn, ngang nhà Lương là năm thứ 10 hiệu Đại-dồng. Tháng giêng năm ấy, vua Lý-Bôn nhân đánh được quân Tàu, Tự xưng là Nam-Việt đế, lên ngôi, đặt niên-hiệu là Thiên-dức, gọi nước là Vạn-xuân, có ý mong xã-tắc được lâu dài đến muôn đời, dựng điện Vạn-xuân để làm nơi triều-hội (*Toàn-thư*, quyển 4, tờ 15 b, và *Sử-ký*, quyển 5, tờ 2 a, đều chép là điện Vạn-thọ), đặt trăm quan, cho Triệu-Túc làm thái-phó, Tinh-Thiều làm tướng văn và Phạm Tu làm tướng võ (*Khâm-định Việt-sử*, quyển 4, tờ 2 b và 3 a).

Cùng năm ấy vua Lương lại sai tả vệ tướng-quân là Lan-Khâm sang đánh. Lan-Khâm mới qua khỏi Ngũ-lĩnh, thì bị bệnh chết (*Đại-Việt sử-ký*, quyển 5, tờ 2 a-b). Đến tháng sáu năm ất-sửu (545) là năm thứ hai hiệu

Thiên-dức của vua Lý Nam Việt đế, nhà Lương cho Dương-Siếu làm thứ-sử châu Giao, Trần-bá-Tiên (sau làm vua cao tổ nhà Tiền) làm tư-mã, đem quân sang xâm-chiếm, sai thứ-sử châu Định là Tiêu-Bật hợp nhau với Dương-Siếu ở Tây-giang (tức Định-châu). Tiêu-Bật biết tướng sĩ sợ đi xa, nhân nói dối để lừa Dương-Siếu. Thiếu hợp các tướng hỏi mưu kế. Bá-Tiên nói rằng: « Người Giao-châu làm phản, tội tự này người tôn-thật, nên mới sinh ra quấy rối vài châu, đánh dẹp mãi không yên. Quan thứ-sử Định châu muốn lần-lút tạm yên là không ngó việc lớn ở trước mắt; còn như tiết-hạ, (cũng như tiết-hạ; gọi Dương-Siếu là tiết-hạ, vì lúc ấy Dương-Siếu cầm cờ tiết làm thứ-sử) vâng lời vua đi đánh kẻ có tội, chết sống ở trong tay: há nên dùng-dăng không tiến, để cho quân giặc lớn thêm và quân mình nản chí ư? » Nói rồi, thúc quân đi trước. Dương-Siếu cho Bá-Tiên làm tiên-phong.

Đi đến châu Giao, vua Lý-Bôn đem ba vạn quân chống nhau ở Chu-diên, bị thua; đến sông Tô-lich, lại thua to; vua chạy đến thành Gia-ninh (nguyên là đất (Xem tiếp trang 9)

*Dạy học thuốc và chuyên
chữa nội-khoa
theo thề-thức*

DÔNG-PHƯƠNG

chỉ có:

Thượng-Dức

15 mission Hanoi — Tél. 1629
đã được tin-nhiệm hoàn toàn

Tổng luận : Khoa-học là gì ?

NGUYỄN TRỌNG THUYẾT

Vậy muốn viết khoa học bằng tiếng ta, ta phải có chữ chuyên môn. Muốn có chữ chuyên môn, muốn có Việt nam chuyên-môn ngữ, hay Việt nam khoa học ngữ, mình phải làm như thế này:

Mình sẽ tìm trong tiếng ta, trong chữ nho, trong tiếng miến, tiếng Lào, tiếng pháp, tiếng nhật, tiếng hy lạp, la-mã, bất cứ tiếng nước nào; mình sẽ tìm trong tiếng mình hay trong tiếng ngoại quốc lấy những chữ cần dùng làm căn-tự rồi đem biến cải, việt hóa nó đi, để cho từng đoạn, từng câu rút lại thành một chữ. Mỗi chữ mới cấu tạo ra đó sẽ thành một chữ chuyên môn khi dùng nó trong khoa-học.

Làm như thế, đi đến đâu mà chẳng được, cần đến đâu, có chữ đến đó, mà những chữ mới tạo ra sẽ hoàn toàn là tiếng ta không khác gì những tiếng xưa kia mình mượn của Tàu, bây giờ mình mượn của Pháp mà mình đã việt-hóa nó rồi. Những tiếng như *thường, nặng, bit-lắt; xang, lổp, bit lét*, ai bảo không phải là tiếng ta, khi người an-nam, nhà quê kẻ chợ đều nói được cả?

Những chỗ cần phải cho khoa học ngữ của cả thế-giới được thông đồng thì ta nên lấy tiếng pháp tiếng âu giữ lại một hay hai vẫn cần kêu nítat hay cần tho sự viết tắt; phỏng âm ra quốc ngữ mà dùng. Những chữ mới ấy cũng

sẽ hoàn toàn là tiếng an-nam vì nó không khác tiếng an-nam một chút nào, vì viết nó ra bằng quốc-ngữ được.

Đó là phương pháp chung cho cả các khoa.

Còn tùy theo tính cách riêng của mỗi khoa, khi đặt tiếng chuyên-môn, nhất là đặt những đẳng-cấp danh-từ cho một khoa nào lại phải có những tiêu tiết riêng cho khoa ấy.

Sở dĩ trong bài *Adaptation*, tôi mới mang cái phương-pháp vừa nói tóm tắt lại đây ứng dụng cho Hoá-học thôi, là vì Hoá-học là cái khoa phải có nhiều những tiêu tiết nhất, viết bằng tiếng ta khó thứ nhất, từ trước tới giờ chưa ai làm được, theo sự biết-của tôi. Ứng dụng trong Hoá-học trước để làm tỷ-dụ cho độc giả nghiệm xem cái phương pháp đó nó có hiệu quả thế nào. Không mang ứng dụng nó cho các khoa khác, là sợ bài *Adaptation* dài quá, mà lại có vẻ là mang nó ra thực hành rồi, trong khi tôi còn muốn trưng cầu ý kiến để rồi bàn-cải cho người mình biết rõ là nếu không làm theo phương pháp đó thì không còn phương pháp nào nữa.

Ứng dụng cái phương pháp ấy trong hoá học là môn tất-mất nhất về những chữ chuyên môn mà được, thì ứng dụng nó cho các khoa khác dễ như chơi. Chỉ sợ

người mình lúc bấy giờ lại chê rằng nó tiện quá, nôm-na quá. Cùng một công việc, cái máy giản-dị nhất là cái máy tính xảo nhất.

Nhưng về công việc viết khoa học bằng tiếng ta, thì không còn phương pháp nào khác được nữa mà so sánh hơn kém. Như tôi đã nói, khoa-học là khoa học, nó bắt mình phải làm cái điều cần phải làm, cái điều không tránh được, là muốn viết, muốn nói khoa-học thì phải có chữ chuyên môn, nước nào cũng vậy. Khoa học nó «cương-cường» lắm, một là mình tuân theo nó, hai là mình chịu chết, chứ nó không theo ý muốn của mình bao giờ. Khoa học nó bắt mình «muốn có chữ chuyên môn thì phải làm theo phương pháp ấy. nếu mình không tuân theo, những chữ mình để ra sẽ vô-dụng, nó sẽ chết không kịp thở.

Theo cái Phương pháp khoa học tôi chỉ ra đó, nếu người mình muốn, mình sẽ có một môn Việt-nam khoa học ngữ riêng rẽ hẳn ra, không giống khoa-học ngữ của nước nào, cả về Hoá học cũng vậy. Chớ không phải về Hoá học, không dựa vào tiếng pháp, hay tiếng vạn quốc, không làm được, như người ta tưởng.

Muốn riêng rẽ à? Mình sẽ định trước đi những lệ riêng của mình (conventions spéciales) để đặt tên cho các hoá-vật, dễ lắm, không khó gì cả.

Ôc khoa-học (hay *Lẽ phải* cũng thế) nó bó buộc mình phải làm như vậy: những đẳng cấp danh từ trong Hoá học nhất định phải đề riêng ra một *lớp*, đặt cho có thứ tự *lớp-ngữ*, liên *lớp* thức bá. Người Pháp, người Âu đã phải làm như thế, không thể không tuân theo, thì sao mấy ông Khoa-học nhà mình lại không làm như vậy? Đã biểu Khoa học nó « *cứng-cường* » lắm kìa mà! Chỗ nào người Âu chưa theo cái mệnh-lệnh khoa học đó, thì chỗ ấy người Âu sau này phải sửa đổi lại.

Trên con đường Khoa học, « *mình được cái may mắn đi sau người* » là như thế, là đã trông thấy người ta làm rồi thì phải hiệu tại làm sao họ phải làm như thế, và của họ có chỗ nào đáng chê đáng trách không, để đến khi mình làm, làm cho chu đáo, hoàn hảo thì mới đáng gọi là, may-mắn. Đẳng này người mình lại hình như oán thán, dỗi, tại cho khoa học của người ta đã tiến đạt lắm rồi nên mình không có tiếng có chữ mà nói, mà viết! Thế trước khi người Âu có Khoa học thì người Âu, có tiếng có chữ mà nói, mà viết khoa học không? Nếu không, thì phải tìm, phải xét xem rằng từ khi người ta biết khoa học, thì người ta làm thế, nào cho có tiếng mà nói, có chữ mà viết chứ!

Đó, cái « *may-mắn* » đi, sau người, là thế đấy, chứ không phải phụ ai đã tưởng đâu!

Về Khoa học nhất định phải làm như vậy đã đành, về các môn khác có nên làm như thế chăng? Có nên đề những đẳng-cấp danh từ của một khoa, riêng ra một

Rách lành đùm bọc

Mùa đông tháng giã tới nơi! Trong khi mà những nhà giàu có đã thừa sự ấm-áp, thì biết bao người nghèo khổ không quần không áo che thân, phải dãi dầu trước những cơn mưa phùn gió bắc!

Giúp cho kẻ khó mạnh quần ấm áo trong lúc sợ khan vải dất này, tức là cứu một mạng người sống qua t. l. đời k. l. thì loạn.

Hãy giúp sức cho ban Cứu-tế mùa đông có đủ 10 vạn đồng để tiến-hành công cuộc đó.

Thư từ và ngân-phiếu xin gửi cho ông Hoàng-Hữu-Huy, Ủy-viên thường-trực ban Cứu-Tế mùa đông, số 125 Boulevard Henri d'Orléans Hanoi.

mở, đặt cho có thứ-tự manh-mối, rõ ràng bạng, từng bộ một không?

Chớ biểu người ta không làm như thế thì mình đừng làm như thế. Về khoa học thì cứ theo óc khoa học mà làm.

Mình được cái « *may mắn đi sau người* » thì mình phải thấy chỗ hay của người mà theo, phải thấy chỗ dở của người mà tránh.

Nếu sẵn có khoa học của người mà học, nhưng chỉ biết thấu, không biết hóa, rồi lại y nguyên thế mà nhả ra thì cái « *may-mắn* » kia cũng bằng thừa.

Cái gì đã dính vào khoa học, thì dầu có tạm-bợ được, cũng không nên tạm-bợ, chỉ nên làm cái nên làm thôi, cái đáng làm thôi. Thừa? hử! Xấu? phá đi, làm lại!

Lâu đài khoa học, Âu châu xây đắp lần lần, mỗi thế kỷ một ci út, nên trong cái toàn thể của nó có nhiều chỗ chưa được hợp lý, chưa được duy nhất, tòa nọ tòa kia, mỗi cái một kiểu, coi còn lộn xộn.

Khoa học, bất cứ khoa nào, nói lại cũng chỉ là một mô thức xếp cho có thứ-tự thôi.

Nói một cách khác, công việc khoa-học là xếp đặt cho có thứ-tự những điều mình nhận biết, hay suy biết thôi.

Xem xét, tìm tòi, suy nghĩ cho hiểu biết rồi xếp đặt cho có thứ-tự những điều mình hiểu biết, đó đó hiểu, đó đó nhớ, ấy công việc khoa học chỉ có thế thôi.

Môn khoa học kia hoàn hảo, là khi nào sự-xếp đặt trong đó không còn có chỗ chệ, trá, được nữa. Môn nào, trong đó xếp thế này cũng tạm-tạm được, mà đặt thế kia cũng tạm-tạm được, thì cái môn đó sắp chừa ra nhiều ngành nhiều môn. Mỗi ngành, mỗi môn sẽ xem xét các vật về một phương diện, về một thứ-tự. Còn môn nào, trong đó chưa thấy cái thứ-tự đề mà xếp đặt thì cái môn đó hãy còn sơ khai.

Các môn khoa học suy lý (sciences pures ou sciences logiques) nhờ lý-luận suy xét mà hiểu, thì nay đã tới một bậc tiến đạt khá rồi, sự xếp đặt trong đó đã rõ ràng minh-mạch không chỗi cãi

(Xem tiếp trang 19).

BIA VĂN-MIẾU

NHỮNG ÔNG NGHỀ TRIỀU LÊ

Số 67

Ứng-học NGUYỄN-VĂN-TỐ

Khoa canh-tuất hiệu Hồng-đức thứ 21, đời vua Lê Thánh-tông, tức năm 1490, lấy 19 ông đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất-thân là những ông sau này :

1. — Lê-tuấn-Mậu, người xã Luân-lôi, huyện Yên-phong, trấn Kinh-bắc (Bắc-ninh). Nguyên người xã Yên-phụ, làm con nuôi người xã Xuân-lôi, Năm Cảnh-thống thứ nhất (1498) sung chức phó sứ bộ cống sang nhà Minh. Làm quan đến Hộ-bộ thượng-thư, kiêm đô-ngự-sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 37 b). Bộ *Đăng khoa bị khảo* (quyển Kinh-bắc, tờ 56 a-b) chép rằng : « Sau đời Hồng-thuận (1509-1516) Mạc-dăng-Dung chuyên quyền cướp ngôi, đình-thần đi theo và phụ-họa rất nhiều. Một mình ông Lê-tuấn-Mậu ngliễm-nhiên không chịu, thường muốn đâm giết Đăng-Dung mà chưa có dịp. Một hôm, Đăng-Dung sai người ép ông vào chầu : ông giấu một con dao nhọn ở trong tay áo, và giắt một hòn đá to, đi ung-dung vào triều. Đến giữa sân, cầm hòn đá ném Đăng-Dung, trúng phải đùi, liền rút dao định lại đâm, thì bị quân thị-vệ của Đăng-Dung giết. Đến triều Lê trung-hưng, nhân-niệm trung-thần, khen ông là giết-ngiã, truy-phong làm thượng-dăng phúc-thần, lập đền thờ ở làng ông, xuân thu quốc-tế. Đời sau ngợi-khen. Tiết-ngiã của ông rõ rệt, người ta không theo kịp : thực là ông không phụ cái khí tốt của giờ đất sinh ra, không phụ cái

công giáo-dục của triều-định và cha mẹ tổ-tôn ở, dưới toà-đài. Trăm đời về sau không ai là chẳng khen ông ».

2. — Nguyễn-thanh-Cần, người xã Chân-hộ, huyện Yên-phong, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp năm 28 tuổi. Làm quan đến thừa tuyên-sứ (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 57 a).

3. — Đỗ-dung Kiềm, người xã Mĩ-huệ, huyện Từ-kỳ, phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Làm quan đến đô-ngự-sứ. Là anh Đỗ-diệu-Huân, đỗ nhị giáp năm 1499 (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 43 b).

4. — Nguyễn đức-Thận, người xã Tráng-liệt, huyện Đông-ngân, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị giáp năm 24 tuổi. Phụng mệnh đi sứ. Làm quan đến thượng-thư (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 37 b ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 29 a).

5. — Ngô đạt-Nho, người xã Xuân-hy, huyện Kim-hóa, trấn Kinh-bắc (*Đăng-khoa lục*, quyển 1, tờ 37 b). Làm quan đến tham-chính (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 69 b).

6. — Phạm-tung (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 37 b, không in chữ tên, có lẽ vì quốc-búy), người xã An-lương, huyện Thanh-lam, trấn Hải-dương. Đỗ nhị giáp năm 30 tuổi. Làm quan đến hiến sát-sứ (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 37 b). Về sau tử tiết, vì không chịu theo nhà Mạc : được phong tiết-ngiã (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 59 a).

7. — Trần hữu-Nho, người xã Cổ-đò, huyện Đông-sơn, trấn Thanh-hoa (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 37 a).

8. — Phạm-ngọc-Uyên, người xã Xuân-neo, huyện Từ-kỳ, phủ Hạ-hồng, tỉnh Hải-dương (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 43 b, chép là họ Nguyễn).

9. — Nguyễn-thuận-Dung, người xã An-liêm, huyện Đông-quan, phủ Thái-bình, trấn Sơn-nam. Đỗ nhị giáp năm 31 tuổi. Làm quan đến tri-huyện (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 2 a, chép là Nguyễn-hanh-Dung).

10. — Dương-trực-Nguyên, người xã Thượng-phúc, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín, trấn Sơn nam. Năm 23 tuổi đỗ nhị giáp tiến-sĩ. Năm nhâm-tý (1492) do chức Hàn-lâm hiệu-lý thăng hiến-sát-sứ trấn Hải-dương. Sau vì nói việc phạm lỗi, giáng xuống chức cũ. Được dự Tao-dẫn nhị thập bát tú. Đầu hiệu Cảnh-thống (1498) thăng Lại khoa cấp-sự-trung, vì là người liêm-khiết, được thêm bổng, rồi thăng phủ-doãn Phụng-thiên, chưa được bao lâu thăng tỉnh-bộ hữu-thị-lang. Mùa xuân năm nhâm-tuất (1502) thăng Bình-bộ tả-thị-lang, coi thi diện. Mùa đông năm ấy thăng thị-lang bộ Lễ, kiêm việc viện Hàn-lâm. Đầu hiệu Đoan-khánh (1505) thăng hữu-thị-lang, kiêm Chiêu-văn-quân. Mùa đông năm đinh-mão (1507) Lê Tương-đức-đế (1509-1516) từ Thanh-hoa khởi binh, tiến bực Đông-kinh, Lê Uy-mục-đế (1504-1509) sai ông làm tán-lý, cùng với phó-tướng là Lê-Vũ đem cầm-binh đi chống-cự, không được, bị chết trận ở Châu-kiều (ức Châu-cầu, Hà-nam bây giờ). Năm ấy, ông 42 tuổi. Đến

năm nhâm-thân hiệu Hồng-thuận (1512), truy tặng chức ngự-sử-dài đô-ngự-sử. Ông mất có linh thiêng, nên người ở xứ ấy lập đền thờ, sau được phong thượng-dăng-thần. Sinh ra Dương-Hồng, đỗ nhị-giáp khoa nhâm-thân hiệu Đại-chính (1532) nhà Mạc (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 22 a-b).

11. — Nguyễn-hưng-Nhuông, người xã 'Sơn-lâm', huyện Tân-phong (Tiền-phong), phủ Quảng-oai, trấn Sơn-tây. Làm quan đến chức tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-tây, tờ 63 a-b).

12. — Vương-Tảo, người xã Hồng-lục, huyện Trường-tân (Gia-lộc), phủ Hạ-hồng, trấn Hải-dương. Làm quan đến thượng-thư, kiêm đô-ngự-sử, tước Tu-lễ-hầu (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 37 a).

13. — Bùi-dực-Thiệu, người xã Công-trấn, huyện Nghi-dương, phủ Kinh-môn, trấn Hải-dương. Đỗ nhị-giáp năm 30 tuổi (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 38 a). Làm quan đến chức tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải-dương, tờ 86 a).

14. — Phạm-túc-Minh, người xã Cồ-dũng, huyện Yên-dũng, trấn

Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp năm 30 tuổi (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 38 a).

15. — Nguyễn-thúc-Dụ, người xã Phù-lưu, huyện Đông-ngàn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp năm 27 tuổi (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 38 a).

16. — Nguyễn - huân - Nghi, người xã Tráng-liệt, huyện Đông-ngàn, trấn Kinh-bắc (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 38 b). Làm quan đến Quốc - tử - giám tư - nghiệp (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 29 a-b).

17. — Nguyễn - h Khiêm, người xã Lan-độ, huyện Đông-ngàn, trấn Kinh-bắc. Đỗ nhị-giáp năm 32 tuổi. (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 29 b, chép đỗ năm 22 tuổi. Đổi sang chức võ, làm đến cấm-y vệ, độ chỉ-huy-sứ. Em họ Nguyễn-công-Phụ, đỗ tam-giáp tiến sĩ năm 1478. (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 38 b).

18. — Nguyễn-Trác, người xã Nghiêm-xá, huyện Thượng-phúc, phủ Thường-tín, trấn Sơn-nam. Làm quan đến chức tự-khanh (*Đăng khoa bị khảo*, quyển Sơn-nam, tờ 23 a). *Đăng khoa lục* (quyển 1, tờ 38 b) chép ông làm quan đến giám-sát ngự-sử.

19. — Nguyễn-di-Kiệt, người xã Y-bích, huyện Thuần-hựu (sau đổi Thuần-lộc, lại đổi Vĩnh-lộc), phủ Hạ-trung trấn Thanh-hóa. Đỗ nhị-giáp năm 30 tuổi. Làm quan đến Lại-bộ tả-thư-lang (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 38 b; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Thanh-hóa, tờ 37 a).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

ĐẠI-NAM DẠT-SỰ

(Tiếp theo trang 5)

huyện Mê-linh đời Hán, đời Ngô chia đặt ra huyện Gia-ninh), quân nhà Lương đuổi theo vây thành (*Dại-Việt sử ký*, quyển 5, tờ 2 b).

Tháng giêng năm bình-dầu (516) là năm thứ ba hiệu Thiên-đức đời Lý Nam-đế, bọn Dương-Siêu đánh được thành Gia-minh Vua Lý Nam-đế chạy vào trong Mường huyện Tân-xương (tức châu Phong, nay Sơn-tây). Quân nhà Lương bèn đóng đồn ở cửa sông Gia-ninh. Đến tháng tám, vua Lý Nam-đế đem hai vạn người từ trong Mường ra đóng đồn ở hồ Diên-triệt (nay ở huyện Lập-thạch). Chế-tạo thuyền-bè, đầy cả mặt hồ. Quân nhà Lương sợ, dừng lại ở cửa hồ, không dám vào. Bá-Phiên bảo các tướng rằng: « Quân ta đã mỗi-một, mà không có cửa-vận, vào chốn tâm-phúc người ta, ắt đánh một trận mà không được, thì không có lý gì sống mà về! Nay nhờ được họ thua luôn, nhà mình chưa bền: chính là lúc phải đem một tiam phần tốt cố sức lấy được; vô-cớ đình lại thì việc hỏng mất! Các tướng đừng nữa lạng.

Đem ấy nước, sông lên to đến 7 thước, rút vào trong hồ. Bá-Phiên đem quân bắn bộ theo dòng nước vào trước. Quân nhà Lương đánh trống reo mà đi. Vua Lý Nam-đế vì không phòng-bị, nên ti tủa to lui về giữ trong động mường, chấn chỉnh việc binh để lo toan về sau, giao đại-tướng (*Khâm dịch Việt-sử*, quyển 4, tờ 5 b, chép là tể-tướng-quân) là Triệu-quang Phục giữ nước, cầm quân đề chống nhau với Bá-Phiên (*Dại-Việt sử ký*, quyển 5, tờ 3 a, và *Toàn-thư*, quyển 4, tờ 16 b-17 a).

(Còn nữa)

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

NHÀ GIỐNG RẰNG Đỗ Ngọc-Giao

173 hàng Bông Lờ Hanoi
Mở lâu năm có tiếng là đứng
đầu, và làm cần thận hơn
hết — Công việc, làm nhanh
chóng và có bảo đảm.

Lược khảo về gia-thế

«Quan Thám kéo vó»:

Nguyễn Đăng-Cảo

LONG-ĐIỀN

TY xuất-bản «Tri-Tân» mới xuất bản quyển «Quan Thám kéo vó» của ông bạn, Tiên-Đàm Nguyễn Tường Phượng, thuộc loại sách Thanh-niên giống loại sách «La Jeunesse» bên Pháp, lựa chọn những sách hay có bổ-ích cho thanh-niên Nam-việt.

Cái giá trị văn-chương cuốn sách ấy thế nào, xin đề các bậc đại-gia học-sĩ phê bình, nay tôi chỉ xin bổ thêm một ít sử-liệu về gia thế «quan Thám kéo vó».

Họ Nguyễn-dăng. — Họ Nguyễn-dăng ở làng Hoài-bảo tục gọi làng Bù, thuộc huyện Tiên-du, tỉnh Bắc-ninh; tổ tiên sự nghiệp ra sao, chưa khảo được. Nhưng xét hiện trạng năm bính-tuất (1646) đời vua Lê Chân-Tôn, trong một nhà, hai anh em cùng đậu đại khoa, thi tất gia-thế cũng vào bậc trâm-anh, mà tổ tiên cũng dày công tu-dưỡng mới đào tạo được một con cháu một nền giáo-dục vững vàng tươi tốt như kia.

Nguyễn đăng Cảo (quan Thám kéo vó), năm bính-tuất (1646) niên hiệu Phúc-thái thứ tư đời vua Lê Chân-Tôn 28 tuổi, đậu Thám-hoa; em là Nguyễn đăng-Minh cũng đậu Tiến-sĩ. Khoa đó, không ai được đậu Trạng-nguyên, và Bảng-nhãn, duy có ông Cảo đậu

Thám-hoa (1), sau ứng thí khoa Đông-các, lại đậu đầu (2).

Lúc nhỏ, thông minh rất mực, tài học hơn người, tính bộc-trực, cương-cường, nét phóng-phẩm quảng-dại, ưa thích làm những sự quái-dị.

Làng bên có con yêu hay hóa con gái ghẹo người, ông trấn áp được, nhân hỏi sự-ng'hiệp tương lai, con yêu nói cho biết cả. Sau thi đậu làm quan, thường khi ăn cơm hay khẩn đến. Tính hiếu kỳ của ông đại suất như thế (3).

Trong khi làm quan, tính ông cương-trực không hay a-dua, không hay ủy-khúc, những bọn nhâm-nhân hay ghen ghét, nên có tài lạ mà ít được đại-dụng. Tài ông cao trội hơn người, mặc dầu bị tiều-nhân gièm pha, Triều-dinh vẫn ý trọng; khi có việc quân quốc đại-sự, thường phải ủy ông liệu-lý, như việc giao thiệp với nhà Thanh về sự róc bím (4).

Nguyên năm giáp-thân (1644), Thanh Thế-Tổ vào Bắc-kinh thống nhất nước Tàu (5), phạm những lễ tục áo mũ nhà Tống nhà Minh đều bỏ đi hết cả, bắt người Tàu mặc áo ngắn, cắt tóc róc bím như người Mãn-châu (6).

Tương truyền vua nhà Thanh sai sứ sang bắt dân ta cũng theo phục sức như họ (7). Triều-dinh lấy làm lo, mới ủy ông (Nguyễn đăng Cảo), lên ải Nam-quan đón sứ và

ứng tiếp. Ông làm bài «Giải chư hầu hoặc» (8), mà người Thanh phải phục, không dám bắt theo tục họ. Ngoài sự ứng đối thường lệ như câu đối đã có nói trong quyển «Quan Thám kéo vó», ông lại vì người Thanh viết thuộc lòng cả sách Đại học đúng như bản in, người Thanh lấy làm lạ, khâm phục vô cùng (9).

Ông lại am-hiếu tướng-pháp (10), thấy cháu ruột con ông em, có tướng lạ, rất yêu quý, ở nhà hay bế trên lòng, có khách cũng vậy. Lại thường vỗ vào lưng cháu, nói với khách rằng: «Đình thần ghét ta, không cho ta đậu Trạng-nguyên, chứ thằng nhỏ này, không cho đậu cũng không được». Quả sau, người cháu đậu Trạng, tức là Trạng Bù.

Ông yêu quý người cháu quá, ở nhà thì thế, mà đi đâu cũng mang theo, thậm chí, khi đi lên Nam-quan, đón tiếp sứ Thanh, ông cũng bắt đi theo mặc dầu cháu còn thơ ấu, mà đường đất xa-khỏi, rừng thiêng nước độc, lội suối trèo đèo (11).

Ông làm quan đến chức Thái bảo, tước quận công mới về tri sĩ.

Về ông Nguyễn đăng Cảo, sách Tang Thương ngẫu lục (tập dưới tờ 44 b-46 a) có chép đoạn sau đây:

Ông là người làng Hoài-bảo, huyện Tiên-du (Bắc-ninh) từ nhỏ phóng dật, ngạo nghễ, không giữ gìn, ngoài thịt chó và rượu ra không thích gì cả.

Ngày diện thí đáng lẽ đỗ đầu, nhưng bị triều đình ghen di, đánh xuống thứ ba (Thám-hoa).

Ở trong triều, ông thường hay nói thẳng, không kiêng nể gì, nên bị truất giáng luôn.

Gặp khi sứ Tàu sang sách phong, đến trạm Xương-giang dừng lại không chịu tiến kinh lại viết một chữ « kiên » (乾) lớn vào miếng gấm gửi đến cho Thế-tử (con chúa Trịnh), cả triều đình không ai hiểu nghĩa là gì phải xuống chỉ vời ông Nguyễn-dăng-Cảo vào.

Ông thưa : « Cầu đổ nhỏ mọn có gì đáng bận lòng nhà vua phải lo ! » rồi sai lấy bút mực, ông viết một nét sô (|) mà đáp lại sứ Tàu.

Sứ mới chịu theo người của triều đình cùng đến. Nhà vua hỏi ông về cơ ấy. Ông tâu : « trông quả kiên là ba nét ngang liền (三) được thêm một nét sô (|) thì thành chữ « vương » (王) đó thôi ! »

Ông lại được sung Chánh sứ về kỳ tuế-cống. Khi qua một cái quán, mái ngói cột gỗ tò vờ rực rỡ, người bán đi tiễn ông có yêu sách ông đề cho mấy chữ. Ông viết hai chữ trùng (重) nhị (二) (có người đọc là *trùng* thì không đúng vì trong bản in chỉ vạch hai nét chứ không có *nhàng* liền làm như nhắc lại chữ trùng ở trên). Người Tàu vặn hỏi ông, ông cười đáp : « Đó là *phong nguyệt vô biên* (風月無邊) (nghĩa đen là hai chữ *phong nguyệt* không có bên ngoài) Người Tàu lấy làm kinh phục.

Việc tuế-cống xong, ông xin cáo nhân lui về làng. Rồi lưng đeo bầu, đầu đội nón, tay chống gậy, chân đi dép, qua lại nơi đá mát, suối trong, man-mác phồn phơ, có khi quên về.

Một lần, nường bóng trăng, ông lên đến núi Lạn-Kha ; lúc ấy đã hết trống canh một, bốn bề vắng vẻ không ai, bỗng thấy một đạo-sĩ



nằm trên chiếc thừng nhỏ buộc vào hai cây gậy cắm ở núi, ngủ ngáy ồ ồ, ông lấy làm lạ liền quý xuống đề đối.

Độ một trống canh, đạo sĩ ngồi dậy nói : « Chú là ông Thám Hoài báo đó phải không ? » Ông khấn đầu thưa vâng và xin bỏ hết việc đời đi theo chân-nhân.

Đạo-sĩ bấm tay tính một lượt, nói : « Chú có số nhưng không có mệnh, thôi đừng làm khổ mình rồi lại luống công ! » Ông cố xin đi theo.

Đạo-sĩ lại hỏi :

— Thật chó là một trong ba thứ đánh chén và năm thứ hôi, thế có chừa được không ?

— Được.

Đạo-sĩ liền cuốn giấy, bỏ gậy sai ông vác đi theo, rồi trèo núi, vượt sông, khác hẳn quang cảnh, thời cũ.

Trưa đến, tới một cái chợ, thật chó trong hàng thơm phức, lửa thêm bốc lên không sao nhịn được, ông xin cho ăn một bữa no nê rồi chừa. Đạo-sĩ ưng cho, rồi cầm đồ giấy gậy bảo ông đi vào.

Khi ông đã thoả thuê ăn xong, trở ra, Đạo-sĩ nói : « Ta là Trần đồ Nam đây ! Chú có số nhưng

không có mệnh. Thôi đừng làm khổ mình rồi lại luống công ». Nói rồi trao cho ông một bài thuốc về rêu-khoa.

Rồi vụt một cái đạo-sĩ đã biến mất. Ông trông ra, nhận kỹ là mình đang đứng ở chợ Cầu-lim làng Nội-duệ cách núi Lạn-Kha độ dặm đường ông đứng hồi lâu bằng khuỷu như đã đánh mất vật gì.

(Xem tiếp trang 20)

1) Đại Nam đăng khoa lục.

2) Đại Nam đăng khoa lục — Khâm định Việt sử quyển 15, 31, 32. Đời Lê, có đặt ra 3 khoa thi đặc-biệt để lựa chọn nhân tài — 1. Khoa Minh Kinh : các quân nhân các lộ, và những người ăn-dặt ở Sơn lâm, at thông kinh - sử, khéo văn-nghệ đều được ứng-thí — 2. Khoa Hoành - Tử, sau đổi ra Khoa sỹ-vọng chỉ những công sỹ có tài vọng mới được dự-thi — 3. Khoa Đồ ng Các. Các quan đương triều từ từ phẩm đở xuống mới được dự-thi. người đầu đầu bỏ chức Đông các đại học sỹ, người đầu thư 2, Đông-các học sỹ, người đầu thư 3, Đông các hiệu thư.

3) Công dư tiệp ký.

4) Công dư tiệp-ký.

5) Từ - nguyên — Thế giới đại sử biểu.

6) Khâm định Việt sử quyển 31.

7) Công dư tiệp ký — theo sách Công dư tiệp ký nhà Thanh có chép thư bắt dân ta theo họ róc bìm, mặc áo ngắn xoang xết chính sử như Khâm Định Việt sử quyển 33, đời Lê Huyền Tôn năm quý mao (1663) tháng 8 Triều đình bắt phán biệt người Thanh sang ở nhờ bên nư c ta. Lại nam bình tự (1696) đời vua Lê III Tôn lại nghiêm sức người Tàu sang ngụ bên ta, phải ăn mặc tuân theo quốc tục. Vậy chưa rõ thực hư ra sao sẽ tham khảo.

8) Công dư tiệp ký. Bài « Giải chư hầu hoặc » chưa khảo được nguyên văn.

9) Công dư tiệp ký.

10) Công dư tiệp ký.

11) Công dư tiệp ký.

Hồi thứ nhất

Một cung cấm của vua Lê.

Cảnh I

Lê-lương-Dực — Kim-Phượng —
Cung-nữ (ăn mặc diêm-dúa)
Nội giám.

KIM-PHƯỢNG

Tàu hoàng-thượng, có việc chi mà mặt rồng hơn-hở? Việc bang-giao với Trung-quốc đã xong-xuôi? Hay việc khai-thác đất Chiêm-thành đợc hoàn-hảo? Hay trong các sĩ-tử nam nay, Ngải đã chọn được nhiều tay tuấn kiệt? Hay...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Có phải đâu? Những công việc ấy, trẫm phó mặc triều-dinh. Việc của trẫm là cùng các khanh hoan-lạc. Nội-giám bay! Đem rượu mau trẫm uống. Trẫm vui đây là về việc Cửu-trùng-dải

CẢ BỌN CUNG-NỮ

Cửu-trùng-dải!

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Cửu-trùng-dải và điện xây tram nóc. Mong của trẫm sắp thành. Trời quá yêu cho trẫm một người thợ giỏi. Suốt một năm trời tìm kiếm, cũng không ưởng công-lao.

KIM-PHƯỢNG

Tàu hoàng-thượng, đó là ai?

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Vũ-như-Tô

BỌN CUNG-NỮ

Vũ-như-Tô!

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Bấy lâu nay, bao nhiêu thợ trong nội, bao nhiêu thợ chốn kinh kỳ, bao nhiêu thợ địa-phương tiến-dẫn, trẫm đều không vừa ý. Bật là phường tiêu-sảo, không ai có quy-mô to tát. Trẫm đã xuống chiếu cầu người tài. Nhiều quan đề bạt Vũ-như-Tô. Trẫm cũng biết rằng Vũ là một kẻ siêu phàm.

Nhưng hần ngu-si, hoặc là làm cao, còn đem vợ con đi trốn. Nay hần bị đóng cũi giải về, rõ tự mình chuốc khổ, chứ có làm chi nên tội?

KIM-PHƯỢNG

Thực là giống ngu-si. Một đứa thợ quèn, chết già ở hang cùng ngõ hẻm, đã dễ đặt chân vào chốn miếu - đường! Mấy kẻ đã được quân-vương biết lời? Hay là giả dờn lao-lực, người dờn khinh rẻ như bèo. Vũ thực là giống ngu-si.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Các khanh đừng vội chê ngay. Về đường thờ-mộc, Vũ là một tài trác-việt.

BỌN-CUNG-NỮ

Một tài trác-việt!

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Một tài trời. Vũ là một người thợ có hoa tay tuyệt thế. Trăm trổ, nặn đúc, xây dựng không kém đường gì. Lại có tài đào muôn kiểu hồ vẽ những vườn hoa lộng lẫy như Bồng-Lai. Vũ còn là một tay hội họa khác thường: Chỉ một vẩy bút là chim hoa đã hiện trên mảnh lụa, thần tình biến hóa như cảnh hoá công. Còn cái lối tính toán thì không lời nào tả hết. Vũ sai khiến gạch đá như ông tướng cầm quân, có thể xây những lầu-dài cao cả tòa nóc vờn mây, mà không hề tính sai một viên gạch nhỏ. Các khanh cho thế là ngạo-nhiên sao? Cửu-trùng-dải tới nay không ai dựng nổi, rồi đây Vũ sẽ xây nhanh chóng như dải nhất dạ, huy hoàng tráng lệ như dải Cờ-tô. Trẫm sẽ cùng các khanh vui sướng, mặc cả sự đời. Các khanh tỉnh sao?

KIM-PHƯỢNG

Thực là diễm phúc cho chị em thần-thiếp, trời mới xui cho thánh-

Vũ như Cố

Số 1

Nhân-vật

Tương-Dực vua nhà Lê niên hiệu Hồng-thuận 24 tuổi
Nguyên-quận-công Trịnh-duy-Sản 60 tuổi
Lê An, công-bộ thượng-thư 50 tuổi
Lê-trung-Mai, nội-giám 45 tuổi
Vũ-như-Tô 40 tuổi
Hoàng-hậu 20 tuổi

Kịch in hồi

NGUYỄN-HUY-TƯỜNG

Dan-Thiền, cung nữ 37 tuổi
Kim-Phượng, ái-phù của vua
Tương-Dực 18 tuổi
Nguyễn - Ba { thợ
Phạm - Ất {
Cung-nữ. — Thị-nữ. — Nội-giám —
Thợ xây đài. — Quân sĩ — Một viên tướng.

Kịch xảy ran năm 1515 1516
tại kinh-thành Thăng-long

thượng gặp người tài. Xin chúc thánh hoàng vạn-tuế, đề chị em thần-thiếp được hưởng ơn trời (cũng quý cả xuống)

Nội-giám mang rượu ra, quý xuống rót rượu, dâng lên. Tương-Dực cầm chén nốc một hơi).

Chà rượu có nồng nhưng cũng không vui bằng lòng trẫm. Các khanh! Trẫm cho phép mỗi khanh uống một chén rượu chia vui (Tương-Dực tự rót một chén rượu. Nội-giám rót rượu đi từng cung-nữ).

BỌN CUNG-NỮ

Xin đa-tạ thánh-ân (họ cùng quý lĩnh chén rượu. Vua tời cùng uống. Má hồng đỏ ửng càng thêm làm).

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Nội giám, cho lui, (Nội-giám lấy đi ra). Hỡi các ái khanh, rượu xuống nhạt nhẽo, trẫm muốn mua vui chốc lát.

KIM-PHƯỢNG

Xin tuân-lệnh thánh-hoàng (chỉ một lát bọn cung-nữ người phách, người sênh, người trống, người mõ, người đàn, người thi cầm những giải lụa, mỗi giải một màu, pháp-phối như bướm-bướm).

LÊ-TƯƠNG-DỰC (uống một chén rượu).

Các khanh buổi nay tươi đẹp bội phần. Cuộc vui tất phải bội phần khoái-hoạt. Nhạc-nhã tấu lên đề vũ-nữ nhẩy điệu nghệ-thường. Trẫm muốn theo Minh-hoàng đưa hồn vào cõi mộng. Ước gì trẫm cùng các khanh sống mãi tuổi thanh xuân.

(Bọn cung-nữ sắp tấu nhạc thì Dan-Thiền vào).

Cảnh II

Những người trước. Thêm Dan-Thiền.

DAN-THIÊN quý xuống

Tàu Hoàng-thượng! .. (vua cau mặt và các cung nữ nguyệt khinh-bị)

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Dan-Thiền. Có việc chi, mi vào

đề loạn cuộc vui? Đây là lần thứ mấy?

DAN-THIÊN

Tàu Hoàng-thượng, thần-thiếp có bao giờ dám vượt phạm hèn? Nguyên quan thượng-thư công-bộ xin vào bệ kiến tâu về việc Vũ-như-Tô...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Ủa! Vũ-như-Tô đã giải về kinh rồi sao? Trẫm sẽ ban thưởng cho những kẻ thừa hành. Cho quan công-bộ vào (nói với bọn cung-nữ) các khanh hãy nghỉ tay một lúc. (Dan-Thiền ra, bọn cung-nữ đứng cả sau lưng vua).

Lê-An vào

Cảnh III

VUA — CUNG-NỮ — LÊ-AN

LÊ-AN quý xuống.

Thánh-hoàng vạn-tuế!

Lê-tương-Dực thân đỡ dậy, cho phép người đứng dậy.

Lê-An đứng dậy, sợ sệt.

Tàu Hoàng-thượng, Vũ-như-Tô đã giải về kinh.

LÊ-TƯƠNG-DỰC vui vẻ.

Mau dẫn hần vào đây. Trẫm đang mong đợi.

Lê-An ngập ngừng

Nhưng muốn tâu Hoàng-thượng. Vũ...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Sao?

LÊ-AN

...là một kẻ quê mùa...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Không sao.

LÊ-AN

Vũ còn là một tên vô lễ, khinh mạn đại thần, khinh-mạn triều-crown.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Là một tên thợ quèn nó dám ngang-ngược như vậy sao?

LÊ-AN

Tàu Hoàng-thượng, hần còn khinh-mạn cả...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Ài? Khinh mạn cả trẫm?

LÊ-AN

Hoàng-thượng...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Trẫm? Quân vô lễ! Nó không sợ chết hay sao?

LÊ-AN

Chinh hần không sợ chết nên mới dám buông những nhời bất kính, thần không dám nói ra đây.

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Nó thấy trẫm cần đến mà ngông cuồng sao? Đem nó ra chình pháp

BỌN-CUNG-NỮ

Tàu hoàng thượng! Nhưng còn cửu-trùng-dải?

LÊ-TƯƠNG-DỰC mơ mộng

Cửu-trùng-dải!

LÊ-AN

Cửu-trùng-dải! Tàu-Hoàng-thượng, hần khai trước mặt hạ thần là danh chết chứ không chịu làm.

VUA VÀ CUNG-NỮ kinh ngạc Không chịu làm?

LÊ-AN

Thần đã dùng trăm phương bách kế, dỗ-dành, dọa nạt nhưng vẫn vẫn chấp nê. Hần còn nói...

LÊ-TƯƠNG-DỰC

Nó nói sao? cho người cử thực tâu bày.

LÊ-AN

Tàu hoàng-thượng, hần nói, nếu là đời vua Hồng Đức hần không ngại gì, trờ hết tài-năng xây một tòa cung điện nguy-nga, Trung-quốc cũng không sánh kịp. Còn Hoàng thượng, hần dám kêu là, muốn lấy Hoàng thượng, là hôn quân, là bạo-chúa, xin Hoàng-thượng tha chết cho kẻ hạ-thần (mở hơi ra ra người run bắn lên), vì thế nên hần nhất-dị h không giúp hoàng-thượng xây đài,

(Còn nữa)

NGUYỄN-HUY-TƯỜNG

Du ký

THIÊN-Y-A-NA

Mãn-khánh DƯƠNG-KY



MÀ Y mừng tám tháng bảy ta vừa rồi, tất cả Huế, không sót giai-cấp nào: thượng trung hạ lưu, đều lũ-lược lên hầu ở điện Hòn-chén là điện thờ nữ-thần Thiên-Y-A-Na (người Chăm lại gọi là Pô-Ino-Nogar).

Một buổi chiều vàng vò cùng điểm lệ. Ánh sáng huy-hoàng. Tràn trề trên sườn rặng núi ở phương Tây, rồi tung-bừng chảy xuống sông Hương đang nhẹ nhàng uốn mình giữa hai bờ cây rậm lục. Trên trời vô-cùng cao, trôi những đám mây vàng, đỏ, xen vào có từng vệt mây gọn sóng màu hồng-phớt, xanh-xanh, tím-tím tựa hồ những nét bút bồi-hồi mà nhà nghệ-sỹ Thiên-nhiên, trong lúc cao hứng, đề lâu e mất bút vẽ đẹp, vội-vã phết lên lụa mà ghi những cảm-giác mong-manh...

Núi Hòn-chén, tròn-trặn, cân-cái, giống một chiếc chén khổng-lồ làm bằng muôn nghìn ngành cây lá ngọn, úp bên bờ sông Hương. Điện thờ thì chả có gì lạ, cũng giống như các chùa miếu Việt-nam khác, xây trên một bậc-cấp rộng đục ngay trong lòng núi đá, quay mặt ra sông.

Cảnh-tri thực vô cùng đẹp, nhưng chỉ tiếc người ta nô nức kéo nhau lên đây không phải vì cảnh.

Chúng tôi đến điện thì « thien nam », « tin nữ », sau khi cúng-

quỷ, nhảy vọt chán-chê, đã rước nữ-thần lên Đình làng Hải-cát là làng sở tại, để rồi sáng mai lại rước về đây mà nhảy múa. Đòi chiếc thuyền theo không kịp đám rước đang còn lênh-bềnh dưới sông. Bọn tôi bảo :

— Thì chúng ta cũng lên làng, thử xem có những gì vậy.

Ánh trăng đã thay ánh sáng mặt trời từ khi nào. Rừng thông hồi-hộp dưới gió đêm mơn-trơn. Thiên-hạ lũ-lược..., làm cho chúng tôi tưởng-tượng đến một dân-tộc biết thưởng thức cảnh đẹp thiên-nhiên, đi dạo trên con đường trường thông, dưới ánh trăng tươi, bên giòng nước bạc... Những tiếng kèn mọi, tiếng hét của các « bóng Cò » « bóng Cẩu » giữa giòng và tiếng trống thi-thùng bên kia sông trong đình làng, đã lôi chúng tôi về với thực-tại. Sông Hương chật-ních những đèn, và những lầu-băng, kết hoa, treo đèn, cờ, bễ-bộn. Bằng nào cũng có hương-án trên hương-án chung-bày vô-số đồ mã: nào đèn, nào lều; trước hương-án, các xác đồng nghiêng-ngửa uốn-éo.

Tại bằng này, đầu cạnh bờ lau, một em gái nhỏ, ước chừng sáu, bảy tuổi đương say-sưa lên-dòng dưới sự chăm-sóc của bà mẹ. Thực không có gì nào lòng bằng thấy em bé ấy, đáng lẽ bây-giờ đã được người mẹ thân-yêu, ôm đi ngủ đề ngày mai ngoan-ngoãn dạy học bài, đang uốn vặn thân-thể

bé tí hon, rồi cũng cho « phép », cũng nói giọng liu-lo, mặt đỏ, cặp mắt lơ-dờ :

Tại bằng nọ, một bà đang nhảy một mình với mấy anh cung-văn ê-a hát, trong lúc ở các bằng khác các bà chen chúc xòe áo mớ ba, uốn lưng mềm-mại. Tại sao thế? Người ta thì-thầm bảo nhau rằng bà ấy có bộ cánh gấm sang quá, các bà kia ngấm đến áo-quần trang sức của mình thấy tồi xa nên đã bỏ bằng ấy mà đi nhảy chỗ khác, ừ, trong lúc vài bộ đất-đỏ này làm sao mà sánh kịp bà kia, lên đó làm chi cho nhục, Chiến-tranh thực đã có lắm ảnh-hưởng tai-hại. Nhưng bà nọ, tuy không có bạn, cũng đã quay đầu, bóng đã nhập : Bóng Bà ? bóng Cô ? hay bóng Cẩu ? Không biết cho rõ, nhưng chỉ nhận thấy thần nào đó quá vô-ý, cứ để tay áo phủ lên cái đồng-hồ tay nhỏ có nạm hột xoàn, bắt buộc bà thỉnh-thoảng phải xắn lên để khoe cái đồng-hồ bé tí hon đẹp-đẽ ấy.

Chung quanh các bằng, dò của người đi coi bu lại đông nghịt. Kể ra thì cũng đáng xem thực, đẹp hơn khiêu-vũ của các bạn tân tiến nhiều. Trong ánh đèn, những mặt thiếu phụ hồng-hào, lộng-lẫy dưới vành khăn vàng; những thân-bình uốn-éo chán rồi lại nũng-nịu té trên tay các anh cung-văn vội-vàng sung-sướng. Nhảy xong một bài, người ta lại thay bộ áo đẹp khác, thoa thêm phấn, liếc mắt soi vào gương, rồi lại nhảy, theo điệu châu-ván buồn-buồn phở vào nhịp đàn tề-tái :

« ừ... ừ... ừ... Bà cứu... ừ... ừ... Bà cứu hộ quần-sanh !... »

Muốn đưa được chúng tôi qua
phần bên kia sông, hai anh lái đò
đã trở tất cả tài khôn khéo.

Đình rộng. Ba gian đèn sáng
trung. Chiếu đã trải sẵn. Tha hồ
mà lạy, mà đập đầu xuống chiếu,
mà xuyết-xoa :

— Nam mô Phật ! A-di-đà Phật !

Ngạc-nhiên bạn tôi buột mồm
hỏi :

— Sao lại Phật ! Người ta bảo
giờ bà Thiên-Y-A-Na kia mà ! Bà
Thiên-Y ấy thế nào mà được sùng-
bái một cách lạ-lùng như thế ?

Thưa bạn, chuyện bà ấy như
sau này :

Nữ-thần này ta mượn của Chiêm-
thành. Nhưng đến sự-tích nữ-thần
thì ta với người Chăm kẻ không
giống nhau.

Người An-nam kể : — Theo
một cái bia (bi-văn do Cụ Phan-
thanh-Giản soạn, dựng vào năm
Tự-Đức thứ 9) hiện còn tại Đền
Pô-Nagar (Nha-trang) và bài châu-
van (ác giả là Cụ Nguyễn-văn-
Trình) hiện đồ thờ tại đền ấy, thì
bà Thiên-Y-A-Na xuất-hiện một
cách lạ-lùng tại làng Đại-an, tỉnh
Khánh-hòa.

Đời xưa, ở làng ấy, có hai ông
mụ tiêu già không con, trồng một
vườn dừa tại gốc núi. Thấy dừa
hay bị mất trộm.

Tiểu ông đêm lên nhìn coi,

Hình như bóng nguyệt bồi-hồi ánh
mây.

Người đầu bỗng xuống chốn này
Phàm đánh bậc nhất, tác tay hai
mươi.

Ôm hoa đương dờn đương
cười... (1)

Trước cảnh ngày-thơ đẹp để ấy,
Tiểu ông chẳng những không giận
Thiếu-nữ hái trộm dừa, mà còn đủ
lòng thương, đem về làm con nuôi.

Nhưng Thiếu-nữ vốn là tiên, lòng
vẫn chưa nguôi tâm-thần cảnh-cũ.
Một hôm mua đầm, nước lũ... Nỗi
bơ cảnh tiên lại càng trĩu trĩu bên
lòng, bèn lấy hoa cùng đá xây thành
tiên-cảnh. Nhưng Tiểu-ông, đâu có
thấu nỗi lòng tiên-nữ, thấy vậy nổi
cơn thịnh-nộ la mắng nàng. Nàng
buồn-bực. Bồng đầu theo giòng
nước lụt trôi đến một cây tràm to.
Nàng lèn biển nhập vào tràm, rồi
trôi qua biển Bắc, giạt vào bờ.
Nhân-dân trong nước thấy vậy xúm
nhau lại khiêng, nhưng nặng quá
cất không nổi. Thái-tử trong nước
nghe tin ấy liền đến xem :

Xuống xe vừa bá tay vào,

Cội kỳ cật nổi ngó sao nhẹ nhàng.

Người phi-thường, bấu phi-
thường,

Trời kia đã định để nhường cho ai.

Rước về đặt chốn các đài...

Thái tử còn trẻ, đương kén vợ.
Một hôm ngài đến thăm cây tràm
thì thấy :

Bóng trắng nhấp-nháy, làn mây
chập chờn.

Hương trời, sắc nước nào hơn,

Bồng đầu qua mắt như cơn giấc hòe.

Hương thừa thấp thoáng còn
nghe

Trong khi gặp-gỡ ai dè sắc không.

Ilôm sau gió mát trăng trong,

Nhìn cây lại thấy tiên-dung ra vào.

Sự gặp gỡ kỳ-di ấy xảy ra mấy
lần. Một hôm, thừa lúc đêm khuya
vắng người, Thái-tử một mình đến
nhìn, lại thấy tiên-nữ từ trong cây
tràm hiện hình ra. Thái-tử ôm lại,
hỏi duyên do. Không dọn kịp tiên-
nữ phải đem sự thực ra thưa.
Thái-tử mừng-rỡ tâu lên Vua cha.
Vua lấy làm lạ sai hỏi thử thì :

Khí nên Trời cũng khéo chiều,

Bói ra quả lốt, ứng vào duyên hay.

Truyền cho sắm lễ soạn ngày.

Cầu xâu ở Thước duyên vậy phụng-
loan.

Sắc cầm rêu rất tiếng đàn,

Trước sân mình thấy quế lan sàng
lầy...

Thế là sinh ra được hai con :
con gái tên Quý, con trai tên Tri.
Tình-duyên đầm-ấm như thế, nhưng
một ngày kia nhớ đến cảnh cũ,
tiên-nữ đem hai con cùng biển
nhập vào cây tràm rồi trôi về lại
Khánh-hòa, tìm vườn dừa cũ.
Vườn dừa chẳng còn ; hai ông bà
Tiểu đã mất. Tiên-nữ nhớ ơn lập
đền thờ. Thuở ấy, dân vùng Khánh-
hòa còn ngu-phác, tiên-nữ đem
lòng thương dạy phương sinh lý
bảo đường lễ-nghi. Trong rừng lại
làm voi nhiều cạp, tiên-nữ vì dân
trừ các ác-thù ấy. Rồi, sau khi lên
non tạc tượng để lại dưới trần này,
tiên-nữ cõi loan bay thẳng.

(Xem tiếp trang 21)

1) Đoạn này, cũng như các đoạn
thơ trên sáu dưới tám khác trong
bài này đều trích trong bản châu
văn nói trên kia, hiện đề thờ tại đền
Pô-Nagar (do bạn Thanh-Trừ ở
Nha-trang sai người biên hộ, xin
cảm ơn bạn). Vì chép tay, e không
khỏi sai với nguyên-văn : nếu có,
mong tác giả chỉ giáo cho.

Phòng thuốc

CHỮA PHẪI

chuyên môn về bệnh Phôi

15 hàng Bè (Radeau)

Hanoi — Tél. 1630

Giờ mở cửa :

Sáng từ 8 đến 12 giờ

Chiều từ 2 rưỡi đến 7 giờ

Chủ nhật nghỉ buổi chiều

Đặc biệt : Thứ ba, thứ sáu
xem mạch, cho đơn không
lấy tiền.

Ở xa mua thuốc gửi lĩnh hóa
giao ngân. Và muốn hỏi bệnh
gì, đính theo tem 0 \$ 06, sẽ
được trả lời ngay.

TRUYỆN CHÚA TRỊNH

Ứng-hoè NGUYỄN-VĂN-TỔ

Ông Phan-Trần Chúc mới ra một quyển sách về lịch-sử đề là *Thế kỷ XVIII, Tĩnh Đô-vương (và thời Lê-Mạt)*, do nhà Mai-linh xuất bản, in được 115 trang 12x18.

Ngay trang đầu đã có chổ nhảm, là chỗ ông nói « Đồng-thời với Nhật-bản, trong khoảng mấy thế-kỷ XVI, XVII và XVIII, nước Việt-Nam đã thực-hiện một chế-độ chính trị mà người ta không thấy ở một nước thứ ba nào nữa trên thế-giới, chế-độ, chúng ta không thể gọi bằng một tên nào khác là « vua Lê chúa Trịnh ». Thế là nhằm : chính nước Pháp về đời trung-cổ cũng có chế-độ ấy ; dưới vua có một chức c ng-tri ởng (maire du palais), thường cầm quyền tất cả các việc trong nước ; chế-độ ấy nãi đến năm 751 mới lết.

Trang 24, ông Phan-Trần Chúc nói : « Vì Trịnh Giang bị truất bỏ, Trịnh Doanh mới lấy tính cách là con thứ và đã giữ chức Tiết-chế lên thay ». Xem bộ *Khâm-định Việt-sử* không thấy chỗ nào chép Trịnh Giang (1729-1740) bị truất, mà lại còn được tôn làm Thái-thượng-vương, và Trịnh Doanh cũng không phải là « con thứ » : chính là em ruột Trịnh Giang và con thứ Trịnh Công (1709-1729).

Trịnh Doanh (1740-1767) là người tinh-anh quả quyết, có tài văn võ, mở phủ nhiếp-chính, nhân tình từ theo đã lâu. Hoàng công-~~Thịnh là hoạn-quan của Trịnh~~

Giang, đem lòng ghét, giảm bớt quyền của Trịnh Doanh ; cho nên Trịnh Doanh làm việc gì cũng không dám chuyên-quyền.

Trịnh thái-phi họ Vũ với bồi-tụng hữu-ty-giảng là Nguyễn-quí-kính, bảo khuyên Trịnh Doanh lên ngôi chúa thay Trịnh Giang để dẹp nội-loạn. Bấy giờ Nguyễn-quí-kính đang có tang ở nhà (chữ nho gọi là đình-gian), ngầm tuyển hượng-binh, dự làm quân bản-bộ, nhân lúc thông-thả nói với Trịnh Doanh. Trịnh Doanh khóc gạt đi. Quí-kính đem chuyện ấy nói với bồi-tụng là Nguyễn-công-Thái. Thân-thần là Trịnh-Trạch, Vũ-tập-Thận và Nguyễn-dinh-Hoàn cùng tán-thành việc ấy.

Nguyên trước Nguyễn-Tuyên khởi loạn ở phía đông nam Bắc-kỳ, tin báo đến nơi : đảng của Công-Phụ là Thực-quận công-trước đã đem quân đóng đồn ở Thanh-lâm để dẹp nhưng không được. Công-Phụ cho là Nguyễn-Tuyên khi bình-nhật ở chổ môn-vu, muốn thân-hành đến đề-plu-du, định lập kỷ công để hiệp triều-dinh. Quí-kính nhân đó cố sức khuyên cho Công-Phụ, để ở nhà mưu việc lập Trịnh Doanh.

Công-Phụ Lén đem quân bản-bộ qua đò sang sông : trong thánh, trống-không. Bọn Quí-kính chia hượng-binh làm quân bảo-vệ, định ngày mở ấn (khai bửu), họp trăm quan tôn Trịnh Doanh lên ngôi chúa (vương). Doanh từ chối, không

dám nhận. Quí-kính sợ việc đề chậm sinh biến, đem việc tâu vua Lê. Vua Lê sai người dụ hai ba lần : Doanh mới không từ-chối nữa.

Đêm ấy (ngày tháng giêng năm 1740) Quí-kính cùng với công-thái Trương Khuông vào hầu : hộp ấn chưa mở, nhân mặt-uớc với ty-lễ-giám là Tào thái-hầu, hẹn sớm hôm sau, lấy ý-chỉ của vua Lê đóng ấn vào sắc ; đến sáng sớm Trịnh Doanh vào phủ chúa Trịnh, có lũ Quí-kính và Trương-Khuông theo hộ vệ, duy có tướng-sĩ đội quân Tứ-nghiêm, Tứ-kính và thân quân đều đeo gươm vác súng. Được một lúc Tào thái-hầu đem sắc-dụ đến. Công-thái truyền rằng : « Có sắc ». Trịnh Doanh quí đề nhận sắc. Nội-giám là Phan-lai-hầu ở bên cạnh lết lên : Trương-Khuông kéo ra chối giám vào ngực-

Công-Thái, lại khuyên Trịnh Doanh lên ngôi chúa. Trịnh Doanh do-dự chưa quyết. Trương-Khuông và Đinh-Hoàn, kéo lên thượng-tọa, bọn Quí-kính đứng xúm hầu, hai bên. Nội-giám, là Giáp-Nguyễn-Khoa lên lầu nổi hiệu trống, tuyên triệu trăm quan. Các hoạn-quan giữ ở cung Thượng-trì (ở xã Hoàng-mai, tức là cung của Trịnh Giang), nghe có biến, đem quân lại. Quí-kính đem hượng-binh ra đánh, giết hết.

Trăm quan cùng đem nhau lay mừng Trịnh Doanh. Doanh đã ngồi ngôi, tôn Trịnh Giang là Thái-thượng-vương, sai tụng-quan tuyên dụ ở phủ đường (dịch trong *Khâm-định Việt-sử*, quyển 38, tờ 17a-18b).

Xem như thế, thì không có chổ nào quốc-sử nói là Trịnh Giang

« bị truất ». Nguyên lúc ấy Trịnh Giang bị bệnh ở riêng một nơi, cho nên các quan phải tôn Trịnh Đoán lên cho có chủ, nhưng vẫn tôn phải tôn Trịnh Giang làm Thái-thượng-vương, cũng như các vua nhà Trần truyền ngôi cho con, xưng là Thái-thượng-hoàng. Nếu bị truất, thì phải giáng, như Trịnh Khải (1782-1786) khi làm Đoan-nam-vương giáng Trịnh Cán (1782) làm Cung-quốc công, không cho xưng là Điện-dò-vương nữa: thế mới gọi là bị truất.

Còn nhiều chỗ ông Phan-Trần Chủ chép nhầm, kể hết cả ra đây, không có lợi gì mấy. Tôi định kỳ sau lấy sử chữ nho thuật lại truyện Tĩnh-dô vương Trịnh Sâm (1767-1782) để độc-giả so sánh.

Ứng-hoà NGUYỄN-VĂN-TỐ

Sách mới

TRIẾT-HỌC DESCARTES

của Nguyễn-dinh-Thị

Môn học thuyết đã mở đường
cho tư tưởng triết học và
khoa-học cận đại.

Sách 300 trang, khổ rộng
bìa mỹ-thuật.

Giá 4\$50



NHÀ XUẤT BẢN TÂN-VIỆT
29, Lamblat - Hanoi

TRI-TÂN tặng giá

kể từ 1er Janvier 1944

Cùng các bạn đọc thân yêu,

Tri Tân tạp chí ra đời đã được ba năm. Trên con đường tự vạch dù gặp nhiều khó khăn chúng tôi bao giờ cũng cố gắng mong cho tờ báo được ngày thêm tiến bộ khỏi phụ lòng tin cậy của các bạn đọc thân yêu trong 5 xứ.

Nói theo con đường sử học và văn học, chúng tôi nhiều khi đã lấy làm cảm kích trước những lời khuyến khích của các bạn quá yêu đã ban cho.

Đồng nhân Tri Tân chúng tôi đã cố gắng chịu hy sinh mọi sự thiệt thòi, để đáp lại mỗi thiện tình của các bạn xa gần.

Song sự hy sinh của chúng tôi đâu không bỏ lến nhưng mức tiền tài của chúng tôi không phải là kho vô tận. Trước giá giấy tăng lên tới 4, 500 phần trăm, và các vật liệu để in báo cũng đều theo mức độ mà đắt một cách vô ngần, chúng tôi bất đắc dĩ phải xin phép các bạn đọc nhắc giá báo lên để cho Tri Tân chúng tôi đỡ thiệt thòi.

Vậy kể từ 1er Janvier 1944 giá báo sẽ là :

Mỗi số 0\$40

Một năm 18.00

Sáu tháng 9.50

Ba tháng 5.00

Tuy vậy, đối với các bạn đọc cũ và mới, chúng tôi xin kính tặng một giá đặc biệt.

Bạn nào vẫn lưu tâm ủng hộ cho tờ Tri-Tân mà trả tiền trước ngày 31 Décembre 1943 xin tình theo giá cũ là :

Một năm 12\$00

Sáu tháng 6.50

Ba tháng 3.50

Xin các bạn đọc chiều tình cho sự khó khăn hiện thời mà lượng cho sự tăng giá đó. Tri-Tân chúng tôi xin cảm tạ.

TRI-TÂN

Bí quyết của sự Thành công

AI-LANG

BẠN! Hôm nay, bạn hãy bắt đầu lần mình vào cuộc đời. Và phần đầu là lẽ sống của tuổi trẻ. Phải lắm! Trong than thở, buồn lắm, Ai cảm lòng trai mộng tới những ngày mai sán-lạn bụi hoàng. Giữa lúc dạ thể nhân hoang mang, mắt thể nhân mù lóa, cao không thấy gì hơn danh lợi, rộng không thấy gì ngoài bản thân, Ai cảm hồn trai say-sưa cùng tin-tưởng mới mà chen vai nhau, sát cạnh nhau, nắm chắc tay nhau, vững vàng tiến gấp trên đường xa, chưa chắc đã là xa.

Tôi muốn nói nhiều cùng bạn. Ngày xưa, tuổi trẻ rất ít lời, âu cũng là một cái hại. Nếu mỗi người là một thể-tới âm-thầm bí hiểm để súc-tích nghị lực cho riêng mình, thì nghị lực chưa thấy đâu như ng mới đồng tâm thì quyết là không có.

Ngày nay, thế giới văn minh đã biết dùng vô tuyến điện để trao đổi tư-tưởng từ xứ nọ đến xứ kia, thì cơ chế hồn chúng ta, lại không rộng mở cho nhau để có dịp bàn ngã thoát ra ngoài bản ngã, và tư-tưởng cao lại hòa-hợp với tư-tưởng cao?

Rộng mở hồn-ta, hẳn bạn sẽ thấy cũng như tôi một nỗi niềm băn-khoăn thắc mắc. Bàn khoản gì đâu? Thắc mắc vì đâu? Thời Xuân thu, ai biết đâu hướng gió! Ta không kịp 'giả lời! Mỗi người một tay, nhưng có lẽ cũng mỗi người một hướng. Có cần chi sự khác hướng đó, nếu bất cứ đường nào cũng đi tới La-mã. Nếu lớp

ta, dưới lá cờ tiến tiến, đều làm tròn sứ mệnh lịch sử của ta. Không những ở đây hay ở đó mà ở cả khắp mọi nơi. Không những lúc này hay lúc khác mà là *vĩnh viễn tiến mãi với thời gian*. Hiểu rõ địa vị mình trong hệ thống xã-hội, nhằm chắc con đường đi chân chính của thể hệ mình, nhanh nhẹn nhưng không vội vàng, suy nghĩ nhưng đừng vẩn vơ, thảo luận nhưng chớ cãi vã quyết đoán nhưng chớ dúng-dăng.

Ngấy lắm rồi, những câu chuyện bàn xuông, lý thuyết chắc chắn như định-thức Đại số-học, nhưng thực hành tuyệt nhiên không có căn-cứ để lên đường!

Có người chẻ rau muống để ăn ghém: Chẻ làm hai, làm bốn, làm tám, làm mười sáu, chẻ mãi... Hỏi: « Chẻ làm gì? » Rằng « Chẻ-cho đẹp mắt. » Một bệch quý tộc nực cười. Một cử chỉ thông thường của bọn « quý trí thức ».

Có một lớp thanh-niên Việt-nam ta gỏi đọc sách lẫn? Nhất là sách triết lý. Và đọc nhiều hơn hết: là vào lúc này.

Tôi trích một lời rất xác-đáng của Nghiêm-Tử (*Triết-học là gì?* chương VII, trang 469):

« Đó là những kẻ đi trốn đời sống. Họ nghĩ ít hơn ai hết tuy rằng đầu óc họ nặng trĩu những tư-tưởng mượn của người khác! »

« Lúng túng trong cái lưới tư-tưởng mớ này, họ không nhận rõ chân tướng của sự vật nữa. Họ coi xã-hội như một 'tấm gương', loài

người là những con số; không bao giờ họ cảm-thấy những nỗi thống khổ mệnh-mạng của bao nhiêu người đang chiến đấu, để tìm lối sống. Vì trí óc họ bế tắc, nên lòng dạ họ khô-khan và chân tay họ tê liệt. Có thể gọi đó là những nạn nhân của tư-tưởng, của triết-học. »

Bạn! Chúng ta rất đồng ý với Nghiêm-Tử ở chỗ đó. Viết quyển *Triết-học là gì*, tác-giả đã kết tinh được ý nghĩ và nguyện vọng của một lớp thanh niên trung lưu đang muốn tiến mà luôn luôn chạm phải những mớ lý thuyết vênh vông trừu-tượng khô khan. Khả tiếc tác giả không thể nói nhiều được hơn nữa để biểu lộ được hết ý nghĩ và nguyện vọng của những lớp rộng-rãi hơn.

Dầu sao, ấy cũng là một viên gạch để xây cầu thành công. Cầu thành công bắc bởi người hiền không khác cầu Trường và của Giacát Lơng bắc qua sông Hắc-thủy ở đất Văn-nam. Cầu không có thân, nhưng ý người đã thực-hiện được một kỳ công vững chắc. Sông Hắc-thủy ư nước rêu, gợn, xáy, đục. Cầu đã dựng rồi, vì không thiếu thợ khéo biết toán theo những người kỹ-sư khéo.

« Có lý-thuyết mới-có thể thực hành. » Vâng, nhưng lý-thuyết là chi nếu không là kết tinh của những kinh-nghiệm thực hành. Nếu ai bắt phải chọn lấy một đường, thì tôi, và có lẽ cả bạn nữa, chúng ta vẫn ưng đường thực hành hơn.

Bạn sẽ hỏi tôi: Đầu là bí quyết của sự thành công?

Tôi giữ kỷ-h-sử Pháp, nhấm ngay trang có câu bất-hủ của Danton:

« Mạnh bạo đi! Mạnh bạo luôn Mạnh bạo nữa... và nước Pháp

thoát nạn». Tôi bâng-khuâng nhớ tới thời 1792, thời nguy biến nhất của lịch-sử Pháp cận-đại. Và tự hỏi: tại sao người Pháp đã thành công?

Một cho tất cả! Tất cả cho sự chiến thắng! Phải chăng thời ấy, dân Pháp đã làm như vậy? Và phải chăng đó là bí-quyết duy nhất của tất cả các sự thành công!

Bạn! Trên đường đời, ta hãy cố kinh nghiệm đi. Đừng sợ kinh-nghiệm. Người thuyết khách làm tướng 6 nước thời Chiến quốc, bị đánh đau như xương, áo quần rách tả-tơi, bỏ lê về nhà, lê lười ra hỏi vợ: «Lời ta còn không?» Vợ rằng: «Còn!»

Thuyết khách đặc chí: «Còn, thì ta chưa lo gì cả?»

Chúng ta ngày nay cũng nên lạc quan như vậy. Danh vọng, tiền tài, tình cảm, bạn bè, tất cả ta có thể mất hết! *Thiên sinh ngã tài tất hữu dụng Thiên kim lân tận hoàn phục lai!*

Ta chưa mất gì cả! Ta chưa lo gì cả! Vì sức sống ta còn!

Sức sống của lớp thanh niên chúng ta! Của lớp thanh-niên quen hùn than, quen sương nắng, lòng rộng rãi và chí kiên cường!

Có cái gì cản nôi sức sống ấy?

ÁI-LANG

學醫東亞

Muốn nghiên-cứu khoa thuốc

*đông, nên mua ngay:

Sách thuốc Việt-Nam.	3 \$ 50
Tính các vị thuốc.	3 00
Khoa thuốc xứ nóng.	2 00
Khoa chữa phôi.	1 00
Khoa chữa mắt.	1 00
Khoa chữa trẻ con.	0 80
Ngoại khoa.	1 00
Sinh lý học.	1 00

hoặc quyền lớn 0 \$ 69, nhỏ 0 \$ 30.

Hu: M. Nguyễn-xuân-Dương
Lạc long 27 Tientsin Liouoi.

Khoa-học là gì?

(Tiếp heo trang 7)

được rồi. Tán đặt như thế là vì cái thứ-tự kia cũng nhờ sự suy xét mà ra. Còn các môn khoa học nhận xét (sciences d'observation) hiện giờ còn nhiều môn lộn-thời lộn. Lộn-thời là tại vạn vật trong vũ trụ nhiều và lộn xộn. Minh nhờ ngũ quan mà biết chúng. Nên thoạt kỳ thủy mình chỉ biết chúng một cách sơ-sai, nông cạn, lộn-xộn, không thể xếp chúng cho có thứ tự được mà chưa có khoa học vậy. Khi mình bắt đầu nhận thấy trong cái toàn thể của chúng đã có thể phân biệt hạng thứ được thì mình bắt đầu xếp đặt chúng đợc mà mới có khoa học. Sau vì sự học hỏi, xem xét kỹ-càng, mình thấy rằng sự xếp theo cái toàn thể bề ngoài còn chưa được tinh-vi, còn có chỗ lộn-xộn thì mình lại phải tìm cách xếp lại. Bấy giờ thấy không thể xét cái toàn thể, đủ các phương-diện, của vạn vật mà xếp đặt cho có thứ-tự được. Phải đứng về từng phương-diện một mà xét vạn vật thì mới thấy rõ cái thứ-tự của chúng được. Đứng theo mỗi một phương-diện mà xét, tức là đã gây ra một môn khoa học riêng. Nếu cái phương-diện nào chưa đúng lý, chưa có thể dùng để xếp đặt hết cả các vật cho có thứ tự hẳn-hoai thì cái môn ấy chưa thành khoa.

Minh hiểu biết vạn vật, nghĩa là khi mình nhận ra cái thứ tự của chúng theo về một phương diện gì.

Cái thứ tự ấy mình cho là chặt-chẽ, hợp lý rồi, khi nó lên tiếp nhau không đứt khúc, khi thì mình thấy điều thứ nhất giảng

điều thứ nhì điều thứ phi giảng điều thứ ba, v. v. Nói một cách khác, khi ấy mình hiểu rằng điều thứ nhất là *nhân* của điều thứ nhì, điều thứ nhì là *nhân* của điều thứ ba, v. v. hay ngược lại, điều thứ ba là *quả* của điều thứ nhì, điều thứ nhì là *quả* của điều thứ nhất.

Sự thiệt, cái mà mình gọi là hiểu (ce qu'on appelle comprendre) chỉ là cái xếp đặt thứ tự mà mình cho là hợp lẽ theo-tri mình đó thôi, chứ sự hiểu biết thiệt, sự hiểu biết cho tới cái nguồn gốc của cái nguồn gốc, cái nhân của cái Nhân hay cái quả của cái Quả thì không bao giờ mình biết được, vì ông Tạo không cho mình biết.

(Còn nữa)

NGUYỄN-TRỌNG HUYẾT

ĐA CỐ BẢN:

Khảo-cứu về Tiếng Việt-Nam của Trà-Án giá 2\$50

Các bạn mỗi người đều nên có một cuốn Khảo cứu về tiếng Việt-Nam, để các bạn nói cho đúng, viết cho đúng tiếng nước nhà. — Các bạn còn biết cách làm các lối thơ, phú, từ, khúc, và còn được thưởng-huê những áng văn kiệt-tác trong văn-học-giới Việt-Nam.

Công - chúa tóc vàng
Tức Hoa-Mai số 32
của Phan-Như giá 0\$ 20

THẨM-HIỂM CỎ KHÚC-RỒNG

Tức Hoa-Mai số 33
của Nguyễn Phú Đốc giá 0\$ 10
Nhà x At hâi Công ty
N° 9, Rue Takou Hanoi

Quan Thám kéo vó » (Tiếp theo trang 11)

Nguyễn đăng Minh — Em ruột ông Nguyễn đăng Cảo, cùng đậu với anh một khoa, năm ấy mới 20 tuổi trúng Tam giáp đồng Tiến sĩ (1), sau làm đến chức Tế-Tửu mới về tri-sĩ.

Tính ông thuần nhả, hiền lành, dễ-dãi, không bao giờ nói những lời thô bỉ độc ác, thờ anh rất cần trọng, điều gì cũng phải theo, không bao giờ trái ý. Đến như việc ông anh đem con trai con nhỏ đi đón tiếp sứ Thanh tợn ải Nam-quan, đường xa muôn dặm lại nước độc rừng thiêng, lòng cha thương con viết bao mà cũng không dám trái ý anh thì đủ rõ ông thờ anh dễ-thuận là dường nào. Kể trên đời đã mấy nhà có được gia-phong như thế.

Ông đối với anh thì vậy, đến đối với con cũng rất nhân từ lễ nhượng. Ông có con trai đậu Trạng nguyên không hề cậy là cha mà coi thường.

Đi đâu, ông Trạng gặp ông, vái

lạy, ông tránh sang bên, đáp: « Không dám, không dám ». Có khi gặp xe lọng ông Trạng dọc đường, ông lại tránh xa. Thằng hoặc có việc đến nhà ông Trạng, ông cũng sai lính báo trước rồi mới vào, chử không đường-dột. Có người hỏi có sao ông giữ lễ quá vậy. Ông đáp: « Ông Trạng tài khôi-nguyên, giới cho thác sinh vào cửa ta, chẳng phải kính sao ? »

Ông ăn mặc rất thường, lại hay đi đất, ít khi dùng xe vống, nên ít người biết ông là quan đương triều. Có người nhăm xâm phạm đến ông, ông cũng bỏ qua, không để ý tới.

Có một hôm, ông ở Triều về, đi đến phố Cửa-nam qua một hàng thịt. Người hàng thịt thấy ông, tưởng lầm là anh xã-trưởng nợ tiền đã lâu, chạy ra nắm lấy. Ông nói rõ; nhưng anh hàng thịt không nghe, cứ bắt trói ông ở cửa hàng. Một chốc có quan Đô-ngự-sử Nhữ Đình-Hiền, là bạn của thân phụ ông, đi xe ở Triều về qua, thấy thế, vội xuống hỏi. Ông nói đầu đuôi, quan Ngự-sử liền cho bắt ngay, anh hàng thịt, và mời ông lên xe về nhà. Đến nơi, mời ông ngồi tạm để vào nhà trong thay áo. Ông liền lại cỡi trói cho anh hàng thịt bảo trốn ngay đi; rồi ông cũng đi nốt. Kịp khi quan Ngự-sử ra, đều không thấy ông và anh hàng thịt, sai người theo mời và bắt lại, đều không kịp, đành chỉ phàn-nản.

Ấy đức-độ của ông như vậy.

Ông làm, quan đến chức Quốc-lữ-giám Tế-tửu mới về tri-sĩ.

Hai con ông là Nguyễn đăng-Tuân, và Nguyễn đăng-Đạo, đều bèn đạt.

Nguyễn đăng-Tuân. — Là con cả ông Nguyễn đăng-Minh, 35 tuổi đậu Tiến-sĩ khoa quý sửu (1673) niên hiệu Dương-Đức thứ 2 đời vua Lê-gia-Tôn, làm quan đến Phụng Thiên Phủ doãn (2).

Nguyễn đăng-Đạo. — Là con thứ ông Nguyễn đăng Minh, 33 tuổi đậu Trạng-nguyên khoa quý-hội niên-hiệu Chính-hòa thứ 4 đời vua Lê Hy-Tôn, sau lại đậu khoa sĩ vọng (3). Năm đinh-sửu (1697), niên hiệu Chính-hòa thứ 18, làm chánh sứ sang Tàu, dâng cống phẩm và tâu việc biên giới ở Tuyên, Hưng (4) vì ngày tháng 5 năm mậu-thìn (1688) niên hiệu Chính-hòa thứ 9, bọn thổ-ty tỉnh Vân-nam sang xâm chiếm ba châu: châu Vi-xuyên, châu Bảo-lạc ở tỉnh Tuyên-quang, và châu Thủy-vĩ ở tỉnh Hưng-hóa (5). Làm quan đến Lại-bộ thượng thư, hai lần làm Đô-ngự-sử thọ 69 tuổi. Lúc mất, Triều đình tặng tước quận công. (6)

Nguyễn đăng-Dư. — Là cháu ông Nguyễn đăng Đạo vì tiên tổ đều làm tôi nhà Lê, nên khi Tây-sơn lấy Thăng-long, ông nhất định không chịu ra thú và làm quan, chỉ ở nhà an bản lạc đạo và dạy con cháu học, thường ngâm bài thơ sau đây đề thuật chí mình:

Nhược trúng Tây sơn giáp

Ninh vi Hoài-bảo đình

Ngó gia thế thế đăng khoa giáp

*Hợp tác đồng nguyên tiết-
nghĩa sinh.*

Thật là một người có khí-tiết (7).

LONG-ĐIỀN.

1) Đại Nam đăng khoa lục. Xưa nhà Lê, lệ thi hội phân ra thứ hạng có 3 bảng:

Đã có bán:

CÔ THÚY

Giải thưởng văn-chương
Tự-Lực Văn-Đoàn năm 1935
của Ng.-khắc-Mãn Giá 3\$20

HỒN QUÊ

của Ng.-khắc-Mãn Giá 4\$50
Sách in lần thứ nhất dày hơn
400 trang — Bìa bằng giấy
Vóc Phụng Hoàng do họa-sĩ
Bình trình bày

Bà Chúa rừng mai trắng
Truyện Giải Trí của Việt-Tinh
Giá 1\$30

Nhà in X. B. N. S. A. N. G.
46 Quai Clémenceau, Hanoi

1. Đệ nhất giúp Tiên sĩ cấp đệ, đệ nhất danh là Trang nguyên.

Đệ nhất giúp Tiên sĩ cấp đệ, đệ nhị danh là Bằng nhàn.

Đệ nhất giúp Tiên-sĩ cấp đệ, đệ tam danh là Thám-hoa.

2. Đệ nhị giúp Tiên sĩ xuất thân, những vị đầu đều gọi là Hoàng giáp

3. Đệ Tam giáp Đồng Tiên sĩ xuất thân những vị đầu đều gọi là Tiên sĩ hay ông Nghè.

Đến mãi nhà Nguyễn, đời Minh-Mệnh thứ 7 khoa bình-tuất (1862), mới lập thêm một hạng dưới nữa Đồng Tiên sĩ, để cho những vị thi hội không được chánh trúng-cách gọi là Phó-hạng.

Trong đời Lê thi hương có hai hạng: hương cống và sinh-dồ. Đến Triều Nguyễn, Khoa út đậu (1825), Minh-Mệnh thứ 6, mới cải Hương-cống là Cử nhân, sinh-dồ là tú-tài.

(Khảo cổ thế, để nhắc các nhà làm tiểu thuyết lịch-sử dùng những danh từ cho hợp với thời-đại).

13) Khâm định Việt sử

14) Đại Nam đấng khoa lục (xem lên số 2.)

15) Khâm định Việt sử

16) Khâm định Việt sử

17) Cõi bài « ông Trang Bội » của Tiên-Đàm đã diễn thuyết và đã đăng ở nguyệt san hội Trí-trí — số 3, 4 tháng Juillet Décembre 1937 trang 269

18) Theo Đại-Nam dư-địa chí — quyển 4-5, sách Trường-Bác, cô số A 74.

THIÊN-Y-A-NA

(Tiếp theo trang 15)

Từ khi mất vợ Thái tử huân-khò không nguôi, sai thuyền đi tìm. Khánh-hòa, lính của Thái-tử cướp bóc nhân-dân sở-tại và phạm đến tượng của bà (2). Bỗng, sóng to gió cả: thuyền chìm, ở cửa biển nổi lên một hòn đá có khắc chữ « khoa-dầu », không ai hiểu nghĩ là gì. Rồi từ đấy, linh-ứng hần-hách lạ-lùng được nhân-dân đặc-biệt sùng-bái.

Phương-dân mừng đột om sấm, Chín nhàn xây tháp dựng lầu nguy nga.

Giữa xây một tháp thờ Bà, Kia bên hữu có một tòa thờ Ông. Hai bên bốn tháp, bốn đồng. Thờ Cô, thờ Cậu, thờ ông cụ Tiên. Trước này bia đá còn phiêu, Chữ « khoa-dầu » khôn điều giải xây.

Bia kỳ mà cảnh cũng kỳ. Trái cây ăn đặng, đem đi thi đặng.

Tôn thần chẳng những người ta, Thờ ông cụ họ cũng là ông cụ. Cóp hèm dầu cũng củi, dầu Cờ trùng dưới nước voi chầu trên nh...

Người xưa gọi là « Thiên-Y-A-Na Diên Bà Chúa Ngọc Thánh Phi », đến triều Nguyễn lại được phong làm « Hồng-Nhơn Phổ Tế Linh Ứng Thượng Đẳng Thần ». Đến nay đền thờ rải-rác ở các miền trung và nam Trung-kỳ. Nhân dân sùng bái, cầu lên đồng để xin chữa bệnh trừ ma.

Sự tích kể trên thì thực là hoang-dường. Chính cụ Phan Lương-khê cũng phải than: Y, di tại! (Ôi! lạ thay!), trong đoạn chót bi văn. Nếu con Trời thì xuống trần làm gì? Lúc đầu, được nuôi trên hòn núi, thì tướng cũng ở đó trọn đời. Vô cớ lại bỏ vợ con, lướt ba đào, từ nam qua bắc, gấp-gấp

đi đâu vậy? Khi lấy được Thái-tử, duyên may dường nòng, ăn-tinh bổng cất. Bỏ nghĩa trăm năm lại về chốn cũ, đề mãi sau này mới nương mây cuối gió mà hiện oai thần-tướng sao lại làm gì vậy? Từng ấy cử-chỉ kỳ-quặc trách nào cụ Phan Lương-khê không bảo: « Khi đi, lúc ở, tuy đến quý thần mà cũng không được tự-chủ sao? Đó lại là một điều kỳ trong điều kỳ vậy » (Hành chỉ' đại gian, thánh thần diệc bất năng tự-chủ da? Thử hựu kỳ chi kỳ dã).

(Còn nữa)

Mãn-Khánh DUYNG KÝ

2) Việc Đền Bà-Nagar bị quân địch tàn-phá và tàn-diệt-chúng theo các bia chạm ở Đền ấy, thì đã xảy ra vào năm 774. Nhưng không phải linh của Thái-tử « Bà-quốc » như các cụ ta kể mà lại là người Chà-và. Vào hồi ấy xir đang đương đương bị Chà-và nấy lun đến cướp phá. Chính nước ta, đương nội-thaộc Tần (Trần-Nam đố họ phỉ), cũng bị quân Chà-và đến đánh năm 167. Rồi đến năm 774 thì nước Chiêm thành, lại bị Chà-bà đến tàn phá, lấy vàng, bạc, chớp báu và « mặt của thần Civa » (đó là cái bọc bằng vàng trùm trên thân tượng hình dương vật: linga) rồi thiêu ngay cả Đền thờ được tin ấy. Chiêm vương Cri Satyavarmā đem binh thuyền đuổi theo đánh tàn quân địch, rồi địch chìm.

Vậy thì chuyện quân cường bạo, phạm vào tượng Bà là một chuyện lịch sử. Ta có thể đưa vào đó mà cho rằng bà Thiên-Y-A-Na đã xuất hiện ra ở nước Chiêm thành, không lâu lắm trước năm 774 chăng?

HỘP THƯ

0. Phạm Quang-Hợp, Bắc-ninh. — Thơ khoa lâm. Cổ lên, Tịch vì một ẽ trong không đáng. J. B.

Muốn làm giàu mà ve số

Đông Pháp

1p.00 một vé

TIÊU THUYẾT LỊCH-SỬ

CHÁY CUNG CHUÔNG VÕ

Số 9

CHU-THIÊN

Sáng hôm sau, một toán vệ binh ngoài hai chục người mặc áo đỏ, đội nón dẫu, thắt đai xanh, vác kiếm, đi thẳng hàng chữ nhất, hùng dũng tiến vào trước sân Hoa-dăng-các rước ba vị sứ-giả sang cung Chương-võ, nơi Nguyễn-Nộn ở. Ba vị sứ thần được tin báo, đã ăn mặc gọn ghẽ, xuống đội ở hiên. Toán vệ-binh đến, một loạt giơ kiếm chào. Ba vị đều cúi đầu đáp lại, rồi theo lời mời của viên vệ úy, ba người thông-thả bước ra theo sau năm tên binh đi tiên-phong dẫn đạo. Mỗi vị sứ thần lại có một cái lọng đi kèm. Toán người ấy đi rất nghiêm-trang thông thả qua sân điện Hiên-chính vòng qua một cái hồ bán-nguyệt gọi là hồ Thiên-linh, qua vườn Thượng-uyên, đầy hoa thơm cỏ lạ, vào đến cổng cung Chương-võ.

Cung này làm sơ-sài nhưng rất mực kiên cố. Ở ngoài bao vây một bức tường gạch dày và cao tám thước, bên trong tường là một cái hào sâu. Cổng cung là một cái chòi cao hai tầng, trên có treo chuông trống, một người lính túc-vệ ngồi canh trên ấy trống nhìn ra bốn phía. Qua cổng cung, tức thời ba tiếng chuông và ba tiếng trống nhịp nhàng nhau nổi lên báo có quý-khách vào. Qua một cái sân rộng thành-thang lát gạch vuông, vào đến cửa cung, ba vị sứ giả phải cúi đầu đáp lễ một dãy các quan đại-thần đứng làm hai hàng

bên tả bên hữu vái chào. Một vị quan dẫn ba người bước ba bậc lên cung.

Trong cung không có gì là đẹp, còn kém điện Hiên-chính xa. Ở ngoài trông đại thể thì cái cung này chỉ là một tòa nhà ngói có ba lớp mà vào trong thì cái vẻ sơ-sài lại càng rõ-rệt: cột gỗ lim, sà, hoành, rui bằng gỗ, tạp, không chạm trổ gì cả, chỉ quýnh-hồ ngay thẳng và chắc-chắn thôi. Cách bài trí cũng chẳng có gì là lịch-sử. Chỉ có mấy giá, bình khí, bày rất đàng-dối nhau, pho màu son lười-thếp sáng lờ rờ, làm tăng vẻ trong cung của một vị đế-vương hùng-dũng. Vậy mà vị chúa-tể cái vùng giang-sơn ấy không muốn trang-hoàng tô-diện, hoặc sửa chữa thêm gì nữa, ngài muốn giữ nguyên như vậy. Có muốn khoe khoang cái vẻ giàu-thịnh mạnh-mẽ của mình, ngài làm ra điện khác để thiết triều, để họp bàn các quan, để tiếp các vị anh hùng thiên hạ. Còn ở đây, từ thuở nào đến giờ vẫn vậy, ngài không muốn thay-đổi cái công-trình đầu tiên của mình từ khi còn hùng-cử một mảnh đất-dai để chống lại với Trần Tự-Khánh. Ngài làm như thế càng tỏ được lòng thủy-chung như nhất và giữ được cái tính tiết-kiệm. Nay tiếp bọn sứ-giả miền đông ở ngay cái cung này, ngài cốt ý để cho họ biết tình suôi-soàng không ham

ơ, lộc của ngài, và nhất là để tỏ tình thân mật trọng-vọng họ, nên mời đối với họ như người nhà vậy.

Cũng hơi lễ thể, nên ba người vừa bước lên đến thềm cung, ngài đã đứng ở cửa cười cười cúi đầu chào. Ba người chực quý thú-lễ, ngài đã vội-vàng ra vờ vai Đoàn-Văn, và gạt đi, niềm-nở nói:

— Ta với Đồng-hải vương, tuy ngoài là hai bên biệt lập, nhưng trong vẫn là anh em. Vậy các người bất tất quá giữ lễ, ta nên đối với nhau thành thật và thân.

Giữa Décembre này sẽ có:

TRĂNG NƯỚC

của THAO THAO

TRĂNG NƯỚC là một quyển sách bàn về nghệ thuật làm thơ 8 chữ và thơ 1 câu. Có nhiều bài và nhiều câu trọn vẹn rất kỹ càng.

Tất cả đều *màn mặc ý thơ*, có sức hấp dẫn người đọc đến 1 vùng trăng nước bao la...

Chỉ in có 400 quyển bằng giấy tốt Blanc Art khổ lớn mỗi quyển 2\$50 và 30 quyển bằng giấy Gió Lụa có chữ ký của tác giả, mỗi quyển 10\$.

Ai muốn có sách nên đặt tiền trước Mandat gửi cho ô. Cao Bá Thao biên tập viên Tin Mới Hanoi - Quốc Học thư xã tổng phát hành.

mặt như người nhà là hơn.

Vua Chương-yō ngừng lại, mời ba người vào gian giữa, chỉ ghế cho họ ngồi, rồi ngài cũng ngồi xuống một cái lòng-kỷ cao hơn ở chính giữa.

(Còn nữa)

CHU-THIÊN

Một vấn đề rất đáng chú-ý...

(Tiếp theo trang 3)

« Cha nên có tật giật mình,
Vua Trang từ đó lĩnh-lĩnh
giấc đời ».

Rồi Trang-vương ban chỉ: đi Hương sơn để hoàn nguyện.

Khi đến Hương-sơn, vua và hậu biết rõ chúa Ba đã làm phép lạ,

đem tay-mắt cứu cha, thì cảm động khôn xiết, liền nghe lời chúa khuyển, dốc lòng tu-hành.

« Lòng ngay cảm-dộng mẹ cha,
Giang sơn phó mặc người ta
lũ hèn.

Chiếu vua nhượng vị ban liền,
Trong Triều vẫn vũ đôi bên
vàng lời... »

Kết cục chúa Ba điềm hóa và độ được hai thân, hai chị, hai phò (hai anh rể), ba vị đại thần, Thiện-Tài, Long-nữ, Thanh sư, Bạch tượng và 500 tăng chúng ở chùa Bạch-tước. Ấy còn chưa kể những kẻ tội-tính ở mười tầng địa-ngục cũng đều được độ. Thật là phúc đẳng hạp sa.

Nuân truyện đó, ta được biết thêm rằng trong chùa Hương có đắp voi trắng (bạch tượng) và sư tử xanh (thanh sư) là căn-cứ vào điển-tích này. Vì cả nhà chúa Ba đều được phong:

Diệu-Thiện (chúa Ba) = Quán thế-âm,

Diệu-Âm = Văn-Thù (được dùng sư tử xanh),

Diệu-Nguyên = Phổ-Hiền- (được dùng voi trắng)

Trang - vương = Thiện - Thắng

Bá-Nha = Vạn-Thiện,

Thiện-Tài và Long nữ được sắc cho làm Kim-đồng, ngọc nữ, đứng ở đôi bên.

(Còn nữa)

HOA BẢNG

ĐÃ ĐỒNG THÀNH BỘ:

Việt-Nam được-học

của ông Phó đức-Thành trong bộ biên tập hồi Y-Học Trung-Kỳ soạn.

Ông Phó đức-Thành, quản lý vĩnh-viễn hội Y-Học Trung-kỳ, là một nhà chuyên khảo của về thuốc Nam đã mấy chục năm nay, có lẽ đồng bào ta không mấy người là không biết liếng.

Nay ông đem những sự kinh nghiệm viết ra bộ

Việt-Nam được-học

này thật là một sự ích lợi cho quốc-dân ta không phải là nhỏ vậy, nhất là lúc đương khan thuốc như lúc này.

Sách soạn theo phương pháp thực hành để phòng khi cấp cứu ai coi đó cũng có thể chữa được. Vả lại những cây mà ông nghiên cứu toàn là những cây mà ta thường thấy giống ở chung quanh mình ta cả.

Thật là một bộ sách cần thiết cho mọi người và mọi gia-đình

Mỗi bộ... 6 \$ 00 thêm cước gửi... 0 \$ 60

Mua lĩnh hòa giao ngân hết... 7 \$ 00

Thờ và mandat mua sách xin gửi về cho:

Nhà in Mai-Linh Hanoi

MỘT BỘ SÁCH:

Cổ nhất Đông-Phương!

Lạ nhất nhân-loại!

Nguồn gốc chỉ là một cái gạch ngang, rồi qua tay 4 vị Thánh nhân, cái gạch ngang ấy dần thành một pho sách cực kỳ hùng-vĩ. Đó là bộ:

KINH DỊCH

mà người Việt-nam ta có lẽ không mấy người là không nghe thấy tên, nhưng chắc ít người biết rõ nội dung ra sao.

KINH DỊCH

là một bộ sách đã xuất-hiện trên mặt này, mà mấy trăm học-giải phương Đông theo gót nhau nghiên-cứu và chú-giải đến hai nghìn năm nay vẫn chưa hết nghĩa.

KINH DỊCH

thật là một pho sách uyên-thâm, huyền-diệu, bao quát tất cả các lẽ trong vũ-trụ.

Các bài thơ và kinh cổ in nguyên văn chữ Hán

Toàn bộ gày trên dưới 2000 trang

n luôn một lúc đóng làm 5 quyển

Sách đã bắt đầu in nhưng không bán lẻ từng cuốn

Sách in làm 3 hạng:

in giấy thường	sẽ bán từ	20000.
Hạng lựa Đỏ	(đựng hộp học lụa)	50. 0
Hạng Bạch Minh châu (đựng hộp gấm)		150.00

4 \$ thêm cước gửi ngoài

Thư và ngân phiếu xin gửi về

Nhà in MAI-LINH Hanoi

ĐÃ XUẤT BẢN

Một giai-phẩm của thư-xã
ALEXANDRE DE RHODES

TRUYỆN TRẺ-CON của **PERRAULT**

Pháp-văn và Việt-văn đối-chiếu bản dịch của ông **NGUYỄN-VĂN-VĨNH** bìa 4 màu của họa-sĩ **MẠNH-QUỲNH** 140 trang khổ lớn album 22x32 toàn tranh ảnh

... hơn 300 năm nay, những chuyện thần-tiên bất-hủ như: « con Lọ-Lem, con yêu Râu-Xanh, thằng bé Ti-Hon, Hoàng-tử có bươm » v. v... đã làm vui buồn mừng giận bao nhiêu trẻ em trên thế-giới.

Thư-xp Alexandre de Rhodes, đã cho in lại bản dịch tuyệt-khéo của ông **NG : VÂN-VĨNH**, kèm thêm nguyên-văn là một áng văn trong-trẻo kiệt-tác nhất nước Pháp.

Bản thường 2\$50 (cước 0\$60)
Bản giấy Đại-La 12\$00 (— 1, 20)

Tổng phát hành

MAI-LĨNH

21, Rue des Pipes — Hanoi

Sách của

Nhật-Nham TRỊNH-NHƯ-TÀU

I — Đã xuất-bản :

A) Đã được Hội-Đồng duyệt sách cho dùng trong các Học-Đường Đông Pháp :

- 1) *Trịnh-gia Chính Phả* (in lần thứ hai)
- 2) *Hưng-yên địa-chí*
- 3) *Gương Luân-Lý*
- 4) *Bắc giang địa-chí* đầy 284 trang, có bản đồ phụ đính

Giá cũ 1\$50

B) 5) *Vị tiền*

hết

6) *Hoa xưa ong cũ*

Giá cũ 0\$30

7) *Từ Hanoi đến Hồ Ba Bể* (du-ký)

2\$00

« Hồ này từ đời Lê, đời Mạc tới nay, có bao nhiêu anh-hùng lưu dấu vết, có bao nhiêu danh-sĩ dăng-lâm, mà có du-ký như ông này mới thấy « là một ! Ông chẳng những chép phong cảnh và « lịch-sử Ba Hồ, mà lại kể cả cuộc hành-trình, « đi đến đâu cũng đề mắt quan-sát : nào là nhân-tình phong-tục, nào là công cuộc mở mang của « đời xưa và hiện-thời, thực có ích cho nhà khảo-cứu, có thể làm kim chỉ-nam dẫn lối cho nhà « du lịch sau này. »

« Du-ký này có giá-trị lắm thay ! »

Trích bài tựa của cụ Phó-bảng Nông-sơn Nguyễn-can-Mộng

II — Sắp xuất-bản :

Uyên-Hải Tử-Bình ; — Ngàn Treo Đanh (huyện Đình Sơn) ; — Bắc-ninh địa-chí.

Xin viết thư cho :

Nhật-nham **Trịnh-như-Tàu**, Tham-tá phủ Thống-sứ Bắc-ly hay Biên-tập-viên Tập-chí Tri-Tân 95-97 Rue Chancelme Hanoi

0133

HÃY ĐÓN COI :

QUANG-TRUNG

của **HOA-BẮNG**

— Nước Pháp có Nã-phá-Luân đã từng làm run, động hoàn cầu trong một thời.

— Nước ta cũng có vua **Quang Trung** đã sống những giờ oanh liệt mà làm rạng vẻ non sông đất Việt.

— Chúng ta là người Việt-nam, vậy chúng ta cần phải đọc lịch sử bực đại anh hùng đó để ôn lại những hành vi xuất chúng của ngài.

— Cuốn lịch sử kỳ sự **Quang-Trung** của **Hoa-Bằng** viết rất công phu. Ngoài những tài liệu thu thập trong các sách nhỏ và sách pháp, có ấn và tiền về thời vua **Quang-Trung** và có cả hai bản đồ vẽ rõ chiến lược của ngài.

— Sách in có hạn. Các bạn đọc muốn mua xin viết thư nhận trước.

TỦ SÁCH « TÂN VĂN HÓA »
HÀN THUYỀN XUẤT BẢN



mới có bán :

Thân thể và sự nghiệp

LÊ THÁNH TÔN

CHU THIÊN khảo cứu

Đời vua **Lê Thánh-Tôn** là một đời thịnh-trị vào bậc nhất trong lịch sử nước Việt-nam ta. Ai muốn biết nội dung bộ **Luật Hồng Đức**, sự tổ chức viên hàn lâm **TAO ĐÀN** do **Lê Thánh-Tôn** sáng lập và chủ tịch, ảnh hưởng của đời ấy đến tâm hồn Việt-nam — không thể bỏ qua được quyển sách này.

Giá 3\$00

ĐÃ XUẤT BẢN

LUÂN LÝ THỰC NGHIỆP

của **LÊ VĂN-SIÊU**

TRIẾT HỌC LÀ GÌ ?

của **NGHIÊM-TỬ**

HÀN THUYỀN : 71 Tien tsin Hanoi

REVUE TRI-TAN: Autorisée par arrêté du 8 Février 1941 de M. Le Gouverneur Général

Directeur gérant : **Nguyễn-Tường-Phượng**

Imp. Tri-Tân 95—97 Chancelme, Hanoi